

# KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

## BIÊN BẢN GHI NHỚ CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Từ ngày 09 - 26 tháng 9 năm 2019

### I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019. Dự án đã được gia hạn thời gian đóng khoản vay đến 30/6/2020 vào ngày 28/6/2019.

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp), được đánh giá với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả.

3. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Co-opBank).

4. Nhiệm vụ đánh giá dự án (Đoàn đánh giá) được thực hiện từ ngày 9 đến 26 tháng 9 năm 2019. Sau cuộc họp khởi động với đại diện của Bộ NN & PTNT, APMB và CPMU tại Hà Nội vào ngày 9 tháng 9 năm 2019, Phái đoàn đã đến thăm Sơn La, Tiền Giang và Hà Tĩnh từ ngày 9 đến 14 tháng 9 năm 2019. Đoàn đánh giá đã gặp đại diện của EA và 12 IAs để (i) xem xét tiến độ thực hiện dự án tổng thể; (ii) xem xét tình trạng thực hiện của 18 hành động tiếp theo được đồng ý bởi Đoàn đánh giá lần trước vào tháng 3 năm 2019; (iii) xem xét tiến độ thực hiện theo thành phần dự án; (iv) xem xét mua sắm dự án; (v) xem xét giám sát, đánh giá và báo cáo dự án; (vi) xem xét chi phí dự án và tài chính; (vii) xem xét việc tuân thủ các giao ước cho vay; (viii) xem xét quản lý môi trường; (ix) xem xét thực hiện các biện pháp bảo vệ xã hội; (x) xem xét thực hiện kế hoạch hành động về giới; (xi) giải quyết các vấn đề còn tồn tại; và (xii) thực hiện các chuyến thăm thực địa đến bốn mô hình trình diễn được chọn.

5. Biên bản ghi nhớ này tóm tắt những kết quả của Đoàn đánh giá và các thỏa thuận đạt được để thực hiện dự án, đã được thảo luận tại cuộc họp kết thúc vào ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Hà Nội. Các thỏa thuận được ghi trong Biên bản ghi nhớ này phải được sự chấp thuận của các cơ quan cấp cao hơn của ADB và Chính phủ. Danh sách những người quan trọng đã gặp, làm việc được trình bày ở Phụ lục 1.

## II. KẾT QUẢ CHÍNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ

### A. Tiến độ tổng thể dự án

6. Dự án đang được xếp hạng “theo đúng tiến độ”. Kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2019, tiến độ thực hiện dự án tổng thể được ước tính là 70,8% dựa trên tiến độ trọng số của các hợp phần dự án (chi tiết được nêu trong Phụ lục 2) so với thời gian khoản vay của ADB là 89%. Tổng giải ngân lũy kế của dự án (bao gồm cả khoản vay ADB và vốn đối ứng) là 29,116 triệu đô la, tương đương với 68% tổng nhu cầu của dự án là 41,141 triệu đô la (chi tiết được nêu trong Phụ lục 3).

7. Đối với vốn ADB, lũy kế trao thầu và giải ngân lần lượt là 30,438 triệu đô la và 29,739 triệu đô la, tương đương với 82,78% và 79,90% tổng vốn dự án hiện tại là 37,216 triệu đô la. Trong năm 2019, Dự án đã trao thầu 4,370 triệu đô la và đã giải ngân 2,453 triệu đô la so với kế hoạch ước tính hàng năm lần lượt là 9,421 triệu đô la và 11,323 triệu đô la cho các hoạt động trao thầu và giải ngân hợp đồng.

8. Đối với vốn đối ứng, lũy kế giải ngân của vốn đối ứng là 2,487 triệu USD (tương đương 62% tổng kế hoạch là 3,952 triệu USD)

### B. Tình hình thực hiện các hoạt động tiếp theo được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

9. Có 18 hành động tiếp theo được đồng ý bởi Đoàn đánh giá lần trước vào tháng 3 năm 2019. Hiện tại, sáu (6) hành động đã được thực hiện, tám (8) hành động đang được thực hiện và bốn (4) hành động chưa được thực hiện. Trong số 13 hành động thực hiện được một phần, đang và chưa được thực hiện theo thống nhất của Đoàn đánh giá vào tháng 9 năm 2018, bốn (4) hành động đã được thực hiện, năm (5) hành động là thực hiện được một phần hoặc chưa được thực hiện do không có LIC và, bốn (4) hành động đang được thực hiện. Chi tiết được nêu trong Phụ lục 4.

### C. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

#### Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi

10. **Mục tiêu điều chỉnh sau đánh giá giữa kỳ (GĐGK).** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 65.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa và 2 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án; (ii) Hỗ trợ tài chính ICMD được chuyển đầy đủ vào tối thiểu 65.042 tài khoản của người hưởng lợi tới tháng 6 năm 2019; (iii) 65.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 7% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iv) Một cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học duy nhất được quản lý hiệu quả tới năm 2017, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng

11. **Tiến độ.** Tính đến 31/8/2019, tiến độ đạt được của dự án như sau: (i) 59.190 SBPs<sup>1</sup>, 60 MBPs<sup>2</sup> and 2 LBPs<sup>3</sup> đã được xây dựng, trong đó có 6.076 (10.3%) công trình khí sinh

<sup>1</sup> SBP có công suất lên tới 50m<sup>3</sup>.

<sup>2</sup> MBP có công suất 51 – 499 m<sup>3</sup>.

học được xây dựng cho các hộ dân tộc thiểu số; (ii) các quỹ ICMD đã được chuyển tới 57.902 tài khoản của những người hưởng lợi. Tiến độ xây dựng các công trình khí sinh học của tỉnh dự án được nêu trong Phụ lục 5; (iii) đào tạo được 113.156 người vận hành SBP (bao gồm 58.738 tương đương 51,9% là nữ), 566 thợ xây (bao gồm 29 tương đương 5,1% là nữ), 1.281 kỹ thuật viên (bao gồm 300 tương đương 23,4% là nữ), 28 kỹ sư (bao gồm 4 tương đương 14,3% là nữ) và 18 nhà thầu. Tổng cộng dự án đã cung cấp 2,211 khóa đào tạo. Chi tiết về kết quả đào tạo liên quan đến khí sinh học do CPMU và PPMU thực hiện được trình bày trong Phụ lục 6; và (iv) 45.006 công trình khí sinh học được tài trợ theo Dự án đã được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học quốc gia duy nhất.

12. Sự bùng phát gần đây của Dịch tả lợn châu Phi và giá thịt lợn thấp đã làm giảm nhu cầu xây dựng các công trình KSH (BP) ở một số tỉnh. Tỉnh Bình Định và Sơn La đề xuất tái phân bổ kinh phí chưa sử dụng trong hợp phần 1 để thực hiện các hoạt động trong hợp phần 3. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng số công trình KSH được xây dựng ở Bình Định và Sơn La vẫn thấp hơn so với kế hoạch (9.022/11.000 và 3006/4004 công trình tương ứng) và khuyến khích PPMU đạt được kế hoạch xây dựng công trình KSH đã được cam kết bởi chính phủ.

13. Đoàn đánh giá đã đến thăm một số hộ gia đình hưởng lợi ở các tỉnh Sơn La, Tiền Giang và Hà Tĩnh và ghi nhận rằng các mô hình trình diễn có tác động tích cực đến cả môi trường vật lý, sinh học và điều kiện kinh tế xã hội. Thông tin chi tiết của các mô hình trình diễn được thăm được mô tả trong Phụ lục 7.

#### **Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác**

**14. Mục tiêu sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số hiệu suất chính cho thành phần này là: (i) 50% hạn mức tín dụng sẽ thuộc tài khoản chung và / hoặc thay mặt phụ nữ vào tháng 6 năm 2019; và (ii) Ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi đã tiếp cận các khoản tín dụng cho BVC và các khoản đầu tư quản lý chất thải nông nghiệp thông minh khí hậu khác từ các Trung gian tài chính tham gia vào tháng 6 năm 2019.

**15. Tiến độ.** Chính phủ đã gửi yêu cầu chính thức về việc hủy bỏ nguồn vốn 30 triệu USD được phân bổ cho hợp phần tín dụng vào ngày 17/12/2018 và ADB đã phê duyệt sự hủy bỏ nguồn vốn này vào ngày 19/12/2018. Cả hai FI là VBARD và Co-opBank đã cam kết trả lại nguồn vốn không sử dụng trong tài khoản tạm ứng cho ADB vào 30/6/2019. ADB đã gửi các yêu cầu tới VBARD và Co-opBank vào ngày 1 tháng 7 năm 2019 để yêu cầu hoàn trả số dư tài khoản tạm ứng chưa sử dụng lần lượt là \$ 1,437 triệu và \$ 1,329 triệu. Cả hai ngân hàng đã kiến nghị MOF về việc hoàn trả số tiền đó cho ADB nhưng không nhận được phản hồi từ MOF. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, các ngân hàng đã cung cấp 457 khoản vay phụ cho 5 trên 10 tỉnh dự án với tổng số tiền là 0,744 triệu đô la. Tình hình thực hiện cuối cùng của các hợp phần tín dụng được nêu trong Phụ lục 8.

#### **Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)**

**16. Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số thực hiện chính cho hợp phần này gồm: (i) Chiến lược nghiên cứu CSAWMP được phát triển và nghiên cứu để thích ứng với ít nhất 6 chủ đề CSAWMP được thực hiện vào tháng 6 năm 2019. Ít nhất 2 chủ đề nghiên cứu sẽ bao gồm các vấn đề về giới; (ii) ít nhất 7 mô hình trình diễn CSAWMP được triển

---

<sup>3</sup> LBP có công suất trên 499 m<sup>3</sup>.

khai và phổ biến thành công tại 10 tỉnh tham gia vào tháng 6 năm 2019; và (iii) ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông và 200 nhà nghiên cứu được đào tạo về CSAWMP vào tháng 6 năm 2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% nhân viên khuyến nông được đào tạo là phụ nữ.

**17. Các nghiên cứu công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP).** Hợp đồng đã được trao và tư vấn được huy động cho tất cả các gói của hợp đồng này. Tình trạng mua sắm/ thực hiện của từng gói nghiên cứu CSAWMP được nêu trong Phụ lục 9.

18. Kết quả của các gói nghiên cứu dự kiến sẽ được áp dụng để cải thiện quản lý chất thải rắn trong nông nghiệp vì chúng giải quyết các hạn chế hiện tại của công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi và nuôi tôm và tạo cơ hội mới cho khu vực tư nhân để thu lợi nhuận nếu đầu tư vào nông nghiệp cùng những công nghệ xử lý môi trường mới. Đoàn đánh giá đã được thông báo bởi tư vấn gói thầu số 29 (Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm) rằng mô hình từ gói thầu này có kết quả thành công rất lớn và đang được người dân nhân rộng. Tuy nhiên hầu hết các gói thầu không có đủ thời gian để thực hiện, do đó, gia hạn thêm một năm đã được phê duyệt vào ngày 28 tháng 6 năm 2019 để hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và cho phép áp dụng các gói nghiên cứu kết quả sau khi hoàn thành. Tuy nhiên, tất cả các hợp đồng nghiên cứu đã không được CPMU gia hạn và khiến các nhà thầu bối rối. Trong thời gian đánh giá của Đoàn, tiến độ của một số gói thầu đạt khoảng 80%, trong khi đó lũy kế giải ngân của các gói nghiên cứu chỉ đạt khoảng 28% so với thời gian triển khai hợp đồng là 100%. Các chuyên gia tư vấn của 7 gói nghiên cứu nêu lên mối quan tâm sâu sắc của họ về các mẫu báo cáo và quy trình thanh toán được hướng dẫn bởi CPMU/APMB.

**19. Mô hình trình diễn CSAWMP** Đoàn đánh giá đã thăm bốn điểm trình diễn (một ở tỉnh Sơn La, hai ở tỉnh Tiền Giang và một ở tỉnh Hà Tĩnh) và thấy rằng các hoạt động trình diễn đang cung cấp các giải pháp CSAWMP hữu ích. Các mô hình được xây dựng có tác động tích cực không chỉ đối với môi trường ở các hộ gia đình này, đến điều kiện kinh tế xã hội của họ, mà cả môi trường xung quanh. Ví dụ như, các mô hình ở tỉnh Hà Tĩnh giúp giảm lượng nước thải đáng kể vào dòng chảy tự nhiên từ một trang trại lợn lớn và nước thải từ việc tách phân là nguồn phân bón tốt cho các trang trại gần đó. Lợi ích này có thể được nâng cao hơn nếu như chính phủ thông qua những chính sách phù hợp để có thể sử dụng phân bón hữu cơ sản xuất từ các mô hình dự án được lưu hành và thương mại tự do trên thị trường. Hồ sơ của các mô hình trình diễn được nêu trong Phụ lục 7 và tình hình thực hiện của từng gói trình diễn CSAWMP được nêu trong Phụ lục 10.

20. Các tỉnh dự án tiếp tục đề xuất một số mô hình nhân rộng từ các mô hình trình diễn và gói nghiên cứu đang diễn ra (ví dụ: mô hình cung cấp hệ thống tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ, mô hình cung cấp hệ thống sử dụng nước thải sau biogas làm phân bón của cây trồng) sẽ được nhân rộng. Đoàn đánh giá khẳng định lại rằng mục đích của các mô hình trình diễn là điểm trình diễn với giải pháp hoàn chỉnh giúp quản lý chất thải nông nghiệp do trang trại tạo ra. Sau khi hoàn thành các mô hình và nghiên cứu, chỉ các mô hình được đánh giá hiệu quả bởi cơ quan có thẩm quyền sẽ được nhân rộng và mỗi tỉnh sẽ áp dụng không quá một mô hình cho mỗi loại mô hình được đánh giá hiệu quả. Thành công của gói số 29 là mô hình cho các gói khác nhân rộng.

21. Đoàn đánh giá nhắc lại rằng Tư vấn thực hiện dự án (LIC) không thể cung cấp bất kỳ hỗ trợ nào cho việc thực hiện dự án kể từ tháng 1 năm 2019 do sự chậm trễ của việc gia hạn hợp đồng. Việc thiếu hỗ trợ LIC có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giám sát chất lượng của các gói nghiên cứu và mô hình trình diễn. Đoàn đánh giá yêu cầu CPMU/MARD gia hạn hợp đồng LIC trước ngày 1 tháng 10 năm 2019 để hoàn thành việc thực hiện các hoạt động của dự án cho đến khi hoàn thành báo cáo hoàn thành dự án được Chính phủ và ADB chấp nhận.

**22. Hệ thống thông tin CSAWMP.** Hợp đồng gói thiết bị cho hệ thống thông tin (gói 22) không được hoàn thành do vấn đề xuất xứ hàng hóa. CPMU đang cố gắng để giải quyết các vấn đề đang chờ xử lý mặc dù hợp đồng đã hết hạn kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2019.

**23. Tăng cường năng lực về CSAWMP.** Dự án đã hỗ trợ 5 chương trình đào tạo nghề cho nông dân (các giáo trình chuẩn bị đào tạo nghề cho nông dân do Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn của Bộ NN & PTNT) với các chủ đề sau: (i) sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ phân gia súc và chất thải mía; (ii) kỹ thuật sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí sinh học; (iii) nuôi giun đất ở quy mô nhỏ từ phân gia súc và phân gà; (iv) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phụ phẩm trồng trọt; và (v) sản xuất phân hữu cơ từ phân lợn. Dự án cũng đã hỗ trợ Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn Bộ NN & PTNT xây dựng thêm 3 chương trình đào tạo nghề về: (i) sản xuất đệm lót sinh học trong chăn nuôi; (ii) chế biến thức ăn chăn nuôi từ phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phụ phẩm trồng trọt. Tổng cộng, Dự án đã đào tạo 22.335 nông dân (trong đó 10.855 hoặc 48,6% là phụ nữ) và 1.739 cán bộ khuyến nông (trong đó 578 hoặc 33,2% là phụ nữ). Trong 6 tháng qua, 352 nông dân và 305 cán bộ khuyến nông đã được đào tạo tại tỉnh Phú Thọ và Nam Định. Chi tiết về đào tạo CSAWMP được thực hiện bởi CPMU và các tỉnh được nêu trong Phụ lục 11.

#### **Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả**

**24. Các mục tiêu đã sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Một CPMU và 10 PPMU đã được thành lập và đi vào hoạt động với đầy đủ nhân sự và cơ sở vật chất vào quý 1 năm 2013. Ít nhất 30% cán bộ là nữ và cán bộ đầu mối về giới sẽ được chỉ định vào 2014; và (ii) PPMS với số liệu phân tách về giới và dân tộc thiểu số (DTTS) được thu thập và vận hành hiệu quả ở 10 tỉnh vào năm 2015.

**25. Tiến độ.** CPMU và 10 PPMU được thành lập vào quý 2 năm 2013 và có đầy đủ nhân sự. Tính đến tháng 2 năm 2019, 57 trong số 124 nhân viên (tương đương 45,97%) CPMU và PPMU là phụ nữ. Cán bộ phụ trách giới được chỉ định từ tháng 7/2016. Hệ thống giám sát đánh giá có số liệu phân tách theo giới tính và dân tộc thiểu số phụ vụ thu thập số liệu và báo cáo đang hoạt động hiệu quả ở 07 tỉnh trừ Sơn La, Nam Định, Sóc Trăng và CPMU.

#### **D. Mua sắm đấu thầu**

**26. Tiến độ.** Tiến độ mua sắm vẫn giữ nguyên với nhiệm vụ đánh giá trước đó. Tổng cộng, Dự án bao gồm 19 dịch vụ tư vấn (bao gồm các gói nghiên cứu) và 25 gói mua sắm các gói hàng hóa, trong đó tất cả các gói dịch vụ tư vấn và 19 gói mua sắm đã được trao. Gia hạn thêm một năm đã được phê duyệt để bù đắp cho sự chậm trễ kéo dài đối với việc mua sắm và thực hiện các gói nghiên cứu.

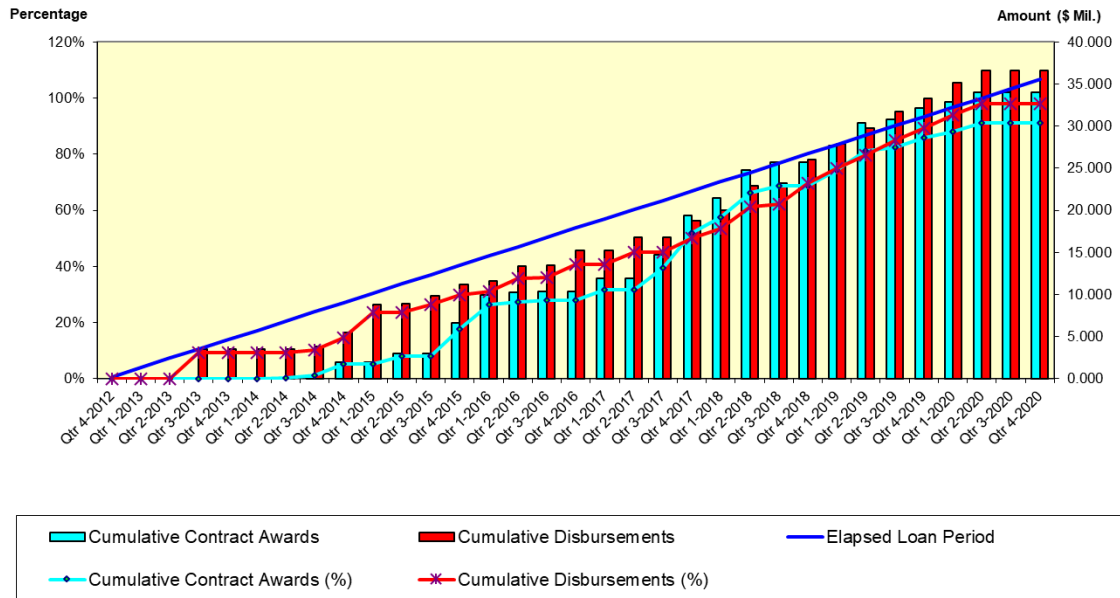
#### **E. Các chi phí của dự án và tài chính**

**27. Vốn vay ADB.** CPMU và PPMU đã cập nhật lịch trình dự kiến cho việc trao thầu và giải ngân khoản vay ADB. Chi tiết được làm rõ trong phụ lục 12 và 13. Các kết quả chính bao gồm:

- (i) Theo ước tính chi phí cập nhật của CPMU và PPMU, nhu cầu vốn ADB là 37,189 triệu đô la (bao gồm 2,163 triệu đô la cho phí lãi suất trong quá trình thực hiện).

- (ii) Cho năm 2019, CPMU, FI và PPMU dự định trao thầu 7,613 triệu đô la và giải ngân 13,241 triệu đô la, so với kế hoạch năm là 9,421 triệu đô la và 11,323 triệu đô la cho việc trao thầu và giải ngân tương ứng; và
- (iii) Kế hoạch thực tế và dự kiến của việc trao thầu và giải ngân vốn vay ADB được trình bày trong biểu đồ dưới đây:

Loan 2968-VIE: Low carbon Agricultural Support Project  
Actual & projected Schedules of the ADB Loan Contract Awards and Disbursements Against Elapsed Loan Period



**28. Vốn đối ứng.** Cho năm 2019, nhu cầu của vốn đối ứng là 20,373 tỷ VNĐ và đã được phân bổ đủ cho CPMU và PPMUs. Tính đến 31/8/2019, 6,377 tỷ VNĐ đã được giải ngân (tương đương với 31% theo kế hoạch). Chi tiết được cung cấp trong Phụ lục 14.

**F. Tuân thủ với Hiệp định khoản vay**

29. Đoàn nhận thấy rằng 46 trong số 47 thỏa thuận vay được tuân thủ. Chỉ có một thỏa thuận vay về việc thực hiện kế hoạch hành động giới (GAP) đang được tuân thủ một phần do tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các hoạt động đào tạo, phổ biến và tham vấn cho các nhóm chỉ dành cho phụ nữ vẫn thấp hơn so với mục tiêu. Chi tiết về tình trạng tuân thủ tất cả các thỏa thuận vay được nêu trong Phụ lục 15

**G. Thực hiện quản lý môi trường**

**30. Mục tiêu ban đầu** Mục tiêu dự án là làm giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp thông qua CSAWMP. Dự án nhằm mục tiêu hỗ trợ xử lý chất thải nông nghiệp và chất thải nông thôn thành năng lượng sạch và phân hữu cơ từ chất thải sau biogas, và phổ biến, tăng cường kiến thức về áp dụng CSAWMP. Dự án đặt mục tiêu giám sát môi trường cho ít nhất là 5% số công trình KSH quy mô nhỏ.

**31. Tiến độ.** Nhìn chung dự án đã có tác động tích cực đối với môi trường thông qua việc cải thiện quản lý chất thải chăn nuôi ở quy mô nông hộ và cộng đồng. Tính đến thời điểm đánh giá, 60,094 SBP trong số 65,000 mục tiêu, 65 MBP và 2 LBP đã được xây dựng góp phần giảm phân và sản xuất khí sinh học để sử dụng. Các PPMU đã kiểm tra giám

sát tất cả MBP và vượt quá mục tiêu 5% SBP (tỷ lệ SBP được kiểm tra giám sát trong khoảng từ 6% (ở tỉnh Bình Định) và 37% (ở tỉnh Nam Định)). Năm 2019, PPMU Tiền Giang không thực hiện giám sát / kiểm tra các SBP đang hoạt động, mặc dù tỷ lệ SBP được theo dõi đạt 22%. Điều này có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và hiệu quả của SBP. Báo cáo đánh giá môi trường (SEMR) nửa đầu năm 2019 đã được gửi vào tháng 8 năm 2019 và đã được đăng tải trên trang web ADB.

**32. Các vấn đề.** Trong các chuyến thăm địa điểm đến các trang trại lợn và gia súc ở Sơn La, Tiền Giang và Hà Tĩnh, Đoàn đánh giá lưu ý rằng có một số vấn đề môi trường đang chờ xử lý, được xác định bởi Đoàn đánh giá trước đó như:

i. Ở tỉnh Tiền Giang và Hà Tĩnh, bùn sinh học từ các SBP không được sử dụng mà thải trực tiếp ra môi trường xung quanh. Do xây dựng/vận hành kém, công trình khí sinh học composite đã bị nổi do trùn lệt gần đây tại Phố Châu, huyện Hương Sơn của tỉnh Hà Tĩnh. Nó sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước và đất, lây lan dịch bệnh trong mùa lũ.

ii. Năm 2019, PPMU Tiền Giang không có bất kỳ kế hoạch giám sát / kiểm tra SBP nào đang hoạt động, mặc dù tỷ lệ SBP được theo dõi đạt 22%. Nó có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và hiệu quả của hoạt động công trình KSH.

iii. Thiết bị giám sát môi trường mà PPMU nhận được vẫn chưa được sử dụng để giám sát hiệu quả môi trường. Chỉ có Nam Định PPMU báo cáo rằng thiết bị đã được sử dụng từ năm 2018. Do đó, kết quả giám sát tác động môi trường đã không được tích hợp trong SEMR để chứng minh sự cải thiện chất lượng môi trường của các BP và CSAWMP.

iv. Thực hiện mô hình về máy tách phân (gói 32 và 33) ở Sơn La, Tiền Giang và Hà Tĩnh đã khá thành công, tuy nhiên, phân bón hữu cơ do các trang trại sản xuất vẫn không thể đăng ký bán trên thị trường. Dự án có thể tạo điều kiện cho kết quả ứng dụng từ gói nghiên cứu 25 về sản xuất phân bón hữu cơ, để tăng thêm giá trị trong chăn nuôi, cải thiện vệ sinh môi trường và thúc đẩy canh tác hữu cơ. Các máy phát điện khí sinh học thí điểm ở Bình Định và Tiền Giang vẫn đang phải đối mặt với các vấn đề kỹ thuật gây ra bởi bộ lọc khí sinh học không hiệu quả. Vấn đề đang chờ xử lý vẫn chưa được giải quyết để sử dụng bền vững khí sinh học, đặc biệt là đối với các công trình khí sinh học cỡ lớn và trung bình.

## **H. Thực hiện các biện pháp an toàn xã hội**

**33. Mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu xây dựng hầm KSH quy mô nhỏ cho người DTTS với ít nhất 5% hầm quy mô nhỏ được xây trong DMF.

**34. Tiến độ.** Việc thực hiện chung các biện pháp bảo vệ xã hội đã góp phần tác động tích cực đến người dân tộc thiểu số thông qua việc giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách sử dụng CSAWMP. Cho đến thời gian thực hiện nhiệm vụ, việc triển khai EMDP của dự án đang đi đúng hướng. Tuy nhiên, một số mục tiêu của EMDP được cập nhật (như chủ sở hữu BP là người dân tộc thiểu số tham gia 100% được chia sẻ về lợi ích của chuỗi giá trị khí sinh học thông qua các hoạt động truyền thông khác nhau, 100% SBP cho EM được quản lý và đánh giá, hỗ trợ cho chương trình tín dụng carbon) vẫn đạt được một phần hoặc chưa đạt được. So với nhiệm vụ trước, số hộ gia đình EM tham gia dự án là không đáng kể, những mục tiêu này không có nhiều tiến triển do một số khó khăn về điều kiện địa lý và phong tục địa phương. Bảng giám sát EMDP được cập nhật được trình bày tại Phụ lục 16.

35. Báo cáo giám sát: Báo cáo nửa năm đầu năm 2019 (SEMR) đã được đệ trình vào tháng 8 năm 2019 và được sửa đổi để đăng trên trang web ADB. Đoàn đánh giá lưu ý rằng trong tất cả các báo cáo giám sát nửa năm, CPMU cần phản ánh tiến trình chi tiết của EMDP và có các khuyến nghị để đảm bảo tất cả các mục tiêu của EMDP được cập nhật sẽ đạt được vào cuối dự án. Báo cáo hoàn thành về việc thực hiện EMDP sẽ được chuẩn bị và nộp cho ADB để xem xét và tải lên trước ngày kết thúc dự án.

## I. Thực hiện kế hoạch hành động về giới (GAP)

**36. Mục tiêu điều chỉnh sau MTR:** Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động về giới (trong thỏa thuận) bao gồm (i ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) ít nhất 7% số người được đào tạo và cấp chứng chỉ thợ xây cho công trình hầm KSH quy mô nhỏ là phụ nữ; (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì là phụ nữ; (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải tại nông trại là phụ nữ; (v) ít nhất 15% nhân viên được đào tạo về công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn là phụ nữ; (vi) ít nhất 50% số người nhận khoản vay từ các định chế tài chính sẽ được đăng ký dưới tên chung của cả vợ và chồng hoặc thay mặt phụ nữ; (vii) ít nhất 50% số người đăng ký các thiết bị KSH trong dự án dưới tên chung cả vợ và chồng hoặc thay mặt cho phụ nữ; (viii) 30% các chủ đề nghiên cứu liên quan đến giới kèm theo công trình KSH ; (ix) ít nhất 30% số người được chọn nghiên cứu và phổ biến công nghệ CSAWMP là phụ nữ ; (x) tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và phương pháp đào tạo phải thân thiện với phụ nữ và ít nhất 30% sự kiện và tham vấn phải có sự tham gia của phụ nữ ; (xi) số liệu tách rời về giới và DTTS được thiết lập như một nội dung đánh giá chất lượng thực hiện của Dự án và thiết lập hệ thống giám sát bởi CPMU ; (xii) 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và từng PPMU phải có cán bộ về giới; và (xiii) các chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát đánh giá tổng thể của Dự án.

**37. Tiến độ thực hiện tổng thể:** Việc triển khai GAP đang đi đúng tiến độ. Toàn bộ 6 hoạt động (100%) đã được hoàn thành hoặc đang được thực hiện đúng tiến độ. Trong 12 mục tiêu, có 8 mục tiêu (66.7%) đã hoàn thành hoặc đang được thực hiện đúng tiến độ, và 4 mục tiêu ((33.3%) đã hoàn thành một phần hoặc chưa đạt được mục tiêu. Bảng GAP đã được cập nhật và trình bày trong Phụ lục 17.

**38. Đầu ra 1:** (i) 304 học viên là nữ trên tổng số 1,327 học viên được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho kỹ thuật viên (chiếm 22.9%, cao hơn mục tiêu là 20%); (ii) 58,738 học viên là nữ trên tổng số 113,156 học viên được đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì (chiếm 51.9%, cao hơn mục tiêu đề ra là 50%).

**39. Đầu ra 2:** Tất cả 457 hộ gia đình nhận được tín dụng cho vay dưới tài khoản chung của vợ và chồng.

**40. Đầu ra 3:** i) 578 (33.2%) phụ nữ trong số 1,739 cán bộ khuyến nông được đào tạo về công nghệ CSAWMP và 152 (37.8%) nông dân nữ trong số 402 nông dân được đào tạo trong các gói nghiên cứu và trình diễn (mục tiêu: 30%); (ii) và 127 phụ nữ trong số 366 người tham gia các khóa đào tạo về O&M của thiết bị nghiên cứu (34.7%, cao hơn mục tiêu 30%); (iii) 2 trong số 6 nghiên cứu (gói 26 và 27) liên quan đến vấn đề giới tính (33%, đạt được mục tiêu 30%).

**41. Đầu ra 4:** (i) CPMU và PPMU đã chỉ định các cán bộ đầu mối về giới để chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo GAP; (ii) 56 trong tổng số 129 cán bộ CPMU và PPMU là nữ (chiếm 43.4%, cao hơn so với mục tiêu 30%); và (iii) hội thảo về giới được thực hiện cho



các cán bộ đầu mối về giới của PPMU, cán bộ kỹ thuật và các bên liên quan với 445 người tham gia, trong đó 230 nữ (51.7%).

**42. Vấn đề:** (i) Tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo xây dựng SBP và MBP-LBP cho công nhân thấp hơn mục tiêu dự án (6% và 2.4%, so với mục tiêu 7% và 15% cho SBP và MBP-LBP, tương ứng), bởi vì sự sẵn có của lao động nữ trong lĩnh vực này là nhỏ, do đó khó có thể đáp ứng mục tiêu đào tạo dự án cho sự tham gia của phụ nữ; (ii) 10,855 phụ nữ trong số 22,335 nông dân tham gia CSAWMP (48.6%, thấp hơn mục tiêu 50%); (iii) chỉ có 12.3% các sự kiện phổ biến và tham vấn diễn ra liên quan đến các nhóm chỉ dành cho phụ nữ (112 trong số 911 sự kiện) trong khi mục tiêu là 30% và dữ liệu phân tách giới tính về những người tham gia CPMU, Nam Định và Sóc Trăng trong những người này sự kiện không có sẵn; (iv) ngoại trừ tỉnh Sơn La, dữ liệu phân tách giới tính về những người tham gia các khóa đào tạo theo các gói trình diễn là không có sẵn.

#### **J. Thực hiện kế hoạch hành động về quản lý tài chính**

43. Kế hoạch hành động về đánh giá quản lý tài chính không đề cập rõ ràng về đánh giá quản lý tài chính trong hướng dẫn quản lý dự án. Tuy nhiên, một vài biện pháp giảm thiểu rủi ro đã được xác định và cập nhật bởi CPMU từ Đoàn đánh giá trước tại Phụ lục 18. Hơn nữa, CPMU, FI và 6 PPMU (Bến Tre, Bình Định, Phú Thọ, Tiền Giang, Nam Định và Bắc Giang) đã tham gia khóa học giải ngân và quản lý tài chính do ADB tài trợ tại Tp Hồ Chí Minh vào tháng 7/2019. Báo cáo tài chính được kiểm toán (APFSs) của các FI đã được trình ADB 1 tháng sau hạn chót và báo cáo APFS 2018 chỉnh sửa của Coopbank vẫn chờ gửi tới ADB để xử lý trước ngày 4/10/2019.

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO**

44. Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất như sau:

- CPMU xin ý kiến chấp thuận của Bộ NN & PTNT (nếu cần) và gia hạn tất cả các hợp đồng chưa hoàn thành (các gói 23, 25-29, 31, 42-43 và LIC) theo yêu cầu về gia hạn khoản vay. Nếu các hợp đồng chưa được gia hạn trước ngày 15 tháng 10 năm 2019 (3,5 tháng sau khi phê duyệt gia hạn khoản vay), CPMU nên xử lý chấm dứt hợp đồng và thanh lý hợp đồng;
- Để bảo đảm hoàn thành các hoạt động nghiên cứu (trường hợp hợp đồng nghiên cứu được gia hạn), MARD, CPMU và ADB tổ chức họp thường xuyên 3 tháng/lần với tư vấn các gói nghiên cứu để cập nhật tiến độ và kịp thời giải quyết các vấn đề/khó khăn. Cuộc họp đầu tiên dự kiến được tổ chức vào giữa tháng 12-2019.
- CPMU nhanh chóng giải quyết các vấn đề đang chờ xử lý của gói 22 để hoàn thành gói 23 trước ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- MARD hỗ trợ FI hoàn trả số dư tài khoản tạm ứng chưa sử dụng cho ADB ngay lập tức;
- CPMU hỗ trợ các PPMU để chuẩn bị chi tiết và kế hoạch thực hiện phù hợp cho đến ngày kết thúc cho vay kéo dài để lưu trữ các kết quả và tác động dự kiến của dự án;
- CPMU để tạo thuận lợi cho việc đăng ký các sản phẩm phân bón hữu cơ của các mô hình trình diễn cho phép các hoạt động thương mại và cải thiện chuỗi giá trị của các hoạt động CSAWMP;
- Các mô hình trình diễn / nghiên cứu đã hoàn thành được đánh giá đạt yêu cầu bởi cấp có thẩm quyền có thể được nhân rộng với không quá một mô hình của từng loại trong mỗi tỉnh dự án, với điều kiện là hợp đồng phải được trao trước ngày 1 tháng 1 năm 2020 và hoàn thành vào ngày 30 tháng 6 năm 2020. Bất kỳ hoạt động nào kéo dài sau ngày kết thúc cho vay phải được chi trả bởi các nguồn vốn đối ứng, điều này phải được xác

nhận bằng thư chính thức của Bộ NN & PTNT (đối với các hoạt động của CPMU) và Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) (đối với các hoạt động của PPMU) gửi cho ADB trước khi trao thầu;

- CPMU và FIs nộp báo cáo APFS cho 6 tháng cuối năm
- CoopBank nộp báo cáo APFS 18 hoàn chỉnh cho ADB vào ngày 4/10/2019
- Về việc thực hiện quản lý môi trường: (i) PPMU với sự hỗ trợ của kỹ thuật viên và thợ xây được đào tạo để giải quyết khả năng quá tải của SBPs, lắp đặt bể lắng và xúc tiến sử dụng bùn sinh học cho phân bón; và nâng cao chất lượng xây dựng / vận hành SBP tại các khu vực dễ bị lũ lụt; (ii) PPMU, đặc biệt là PPMU Tiền Giang tiếp tục thực hiện giám sát / kiểm tra kỹ thuật tất cả các LBP / MBP đang hoạt động và một số SBP đang hoạt động, để đảm bảo an toàn và hiệu quả của công trình KSH; (iii) CPMU để hỗ trợ PPMU trong giám sát hiệu quả môi trường, sử dụng thiết bị giám sát môi trường của dự án và tích hợp các kết quả phân tích trong Báo cáo giám sát môi trường bán niên tháng 7-12/2019, hạn nộp vào ngày 31 tháng 1 năm 2020; và (iv) CPMU và các chuyên gia tư vấn của các gói nghiên cứu để tiếp tục và đẩy nhanh các nghiên cứu và hoạt động thử nghiệm trong ứng dụng CSAWMP, nâng cao quản lý kiến thức để nhân rộng và sử dụng CSAWMP, cụ thể, gói 26 để sử dụng khí sinh học thích hợp từ MBP và LBP trong máy phát điện; và gói 25 về sản xuất phân bón hữu cơ từ các hệ thống tách phân;
- Về việc thực hiện các biện pháp bảo vệ xã hội: CPMU và PPMU tiếp tục thực hiện bốn (4) hành động đã được thống nhất theo Biên bản từ đoàn đánh giá trước;
- Về việc triển khai GAP: (i) PPMU tiếp tục hợp tác với Hội Phụ nữ (WU) và Hội Nông dân để thực hiện các khóa đào tạo về CSAWMP cho nông dân và tổ chức nhiều hơn các sự kiện phổ biến với nhóm phụ nữ để đảm bảo vào cuối dự án, các mục tiêu này sẽ đạt được; (ii) Các tỉnh CPMU, Nam Định và Sóc Trăng cần cập nhật dữ liệu phân tách giới về những người tham gia các sự kiện phổ biến; và (iii) PPMU cần cập nhật dữ liệu phân tách giới tính về những người tham gia các khóa đào tạo theo các gói trình diễn và báo cáo ADB trong báo cáo tiến độ tiếp theo;
- CPMU/PPMU hoàn thành các hành động tiếp theo khác được thống nhất bởi Đoàn đánh giá trước chưa được thực hiện, được thực hiện một phần và đang được thực hiện. Chi tiết được nêu trong Phụ lục 4; và
- Nhiệm vụ đánh giá tiếp theo của ADB sẽ được thực hiện vào tháng 3 năm 2020.

#### IV. LỜI CẢM ƠN

45. Đoàn đánh giá bày tỏ lòng biết ơn đối với Bộ NN & PTNT và tất cả các cán bộ cũng như đại diện của các tổ chức đã cung cấp thời gian và sự hợp tác của họ cho Đoàn.

Ký tại Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2019 bởi:

Vũ Ngọc Châu  
Trưởng Đoàn đánh giá, VRM  
Ngân hàng Phát triển Châu Á

**Danh sách những người gặp và làm việc**

Tên	Chức vụ	Email	Điện thoại
<b>Bộ NN&amp;PTNT</b>			
Phạm Thanh Huyền	Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính	thanhhuyen692000@yahoo.com	0912632918
Nguyễn Thị Bình Thục	Chuyên viên, Vụ Tài chính		
Chu Văn Chuông	Phó Vụ trưởng, Vụ HTQT		
Lê Minh Tuấn	Chuyên viên Vụ HTQT	Tuanlm.htqt@mard.gov.vn	0981626888
<b>Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp</b>			
Phạm Việt Anh	Phó trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật	phamvietanh.bnn@gmail.com	0913447751
Đặng Hữu Kiên	Phòng Quản lý tư vấn và XDCTDA		
<b>Ban QLDA Trung ương dự án LCASP</b>			
Nguyễn Thế Hình	Giám đốc dự án	nguyenthe.hinh@gmail.com	0913247782
Vũ Tiến Dũng	Phó giám đốc dự án	vutiendung1972@gmail.com	0913543045
Nguyễn Văn Chung	Phó giám đốc dự án	chungnguyenvanhd@yahoo.com	0967891875
Dương Thị Diễm Hằng	Phụ trách kế toán	duongdiemhang@gmail.com	0902149939
Nguyễn Thị Minh Hường	Phụ trách kế hoạch	huongng4@gmail.com	0399292871
Nguyễn Thái Sơn	Cán bộ kỹ thuật	thaison@apmb.gov.vn	0902.468.122
Lương Huy Hoàng	Cán bộ kỹ thuật	mrhoang0980@gmail.com	0986854617
<b>Tư vấn các gói nghiên cứu</b>			
Phạm Đức Thọ	Gói 26	prthodp@gmail.com	0949968855
Ngô Công Chinh	Gói 26	chinhnc@amdi.vn	0932233248
Nguyễn Khắc Anh	Gói 25		0966719216
Lê Như Thịnh	Gói 43		0916486339

Lê Hùng Tuấn	Gói 27, Bac Bo JSC	ctytuvanbacbo@gmail.com	0913526315
Lê Thanh Quang	Gói 42, Nicotex JSC	lethanhquangnicotex@gmail.com	0989309131
Nguyễn Tử Cương	Gói 29, FITES	fitesvietnam@gmail.com	0903421228
Nguyễn Văn Toàn	Gói 28, Viện nghiên cứu QHNN, NT	nguyentoanniapp@gmail.com	0913096545
Nguyễn Việt Hùng	Cán bộ, Agribank	Viethung_nguyen@yahoo.com	0913034065
Lê Thu Hà	PTP, Co-opbank	Lethuha262@gmail.com	
<b>Các định chế tài chính</b>			
Nguyễn Việt Hùng	Cán bộ, Agribank	viethung_nguyenvba@yahoo.com	0913934065
Lê Thị Thu Hà	PTP, Co-opbank	haltt@co-opbank.vn	0904.983.367
Đỗ Nguyễn Thanh Nhung	Chuyên viên, Co-opbank	nhungdnt@co-opbank.vn	0983.828.128
<b>Tien Giang</b>			
Nguyễn Thanh Hòa	Kế toán, PPMU	hoathn@gmail.com	0972.933.312
Huỳnh Thanh Nông	PGĐ, PPMU	huyन्हthanhnong@yahoo.com.vn	0948394945
Nguyễn Thị Hoàng Ngân	Kế toán	Nthngan79@gmail.com	0983238890
<b>Ben Tre</b>			
Nguyễn Thế Nghĩa	Giám đốc, PPMU	<a href="mailto:lcaspbt@gmail.com">lcaspbt@gmail.com</a> <a href="mailto:nghia.kiemlambentre@gmail.com">nghia.kiemlambentre@gmail.com</a>	0399073793
Nguyễn Hải Đăng	Cán bộ dự án, PPMU	<a href="mailto:Nhdang711@gmail.com">Nhdang711@gmail.com</a>	0377198690
Nguyễn Khánh Bình	Cán bộ dự án, PPMU	<a href="mailto:ncbinh.knkn@yahoo.com.vn">ncbinh.knkn@yahoo.com.vn</a>	0919240240

Phan Thị Thu Sương	Điều phối viên, PPMU	<a href="mailto:lcaspbt@gmail.com">lcaspbt@gmail.com</a>	0918.330.169
<b>Soc Trang</b>			
Le Van Quang	Cán bộ dự án , PPMU	<a href="mailto:levanquang68@gmail.com">levanquang68@gmail.com</a>	0918573883
Lâm Minh Hoàng	Giám đốc, PPMU	<a href="mailto:Lamhoangst68@gmail.com">Lamhoangst68@gmail.com</a>	0918553550
Trương Văn Hùng	PGĐ Sở NNPTNT tỉnh	<a href="mailto:truongvanhungsnstg@gmail.com">truongvanhungsnstg@gmail.com</a>	0918553551
<b>Binh Dinh</b>			
Lê Ngọc Hùng	Điều phối viên	<a href="mailto:ngochung05@gmail.com">ngochung05@gmail.com</a>	0907414278
<b>Nam Dinh</b>			
Hoang Thi To Nga	Giám đốc, PPMU	<a href="mailto:ngasam67@gmail.com">ngasam67@gmail.com</a>	0918951967
Nguyen Trong Tan	Điều phối viên	<a href="mailto:trongtan78@gmail.com">trongtan78@gmail.com</a>	0913472700
Đình Văn Nga	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		
<b>Lao Cai</b>			
Phạm Thị Hoa	PGĐ, PPMU	<a href="mailto:phamhoalc@gmail.com">phamhoalc@gmail.com</a>	0919706042
Mai Thế Lập	Cán bộ, PPMU	<a href="mailto:Maithelap90@gmail.com">Maithelap90@gmail.com</a>	0865365055
Nguyễn Đình Tâm	Cán bộ , PPMU	<a href="mailto:tamthuylaocai@gmail.com">tamthuylaocai@gmail.com</a>	0355551999
<b>Son La</b>			
Lo Thanh Bang	Điều phối viên, PPMU	<a href="mailto:banglothanh75@gmail.com">banglothanh75@gmail.com</a>	0988432886
Lê Văn Thành	Giám đốc, PPMU	<a href="mailto:Lethanh961@gmail.com">Lethanh961@gmail.com</a>	0904109456
<b>Phu Tho</b>			
Tu Anh Sơn	PGĐ Sở - Giám đốc dự án PPMU	<a href="mailto:tusonpt@gmail.com">tusonpt@gmail.com</a>	0989149457
Hoàng Mạnh Thông	Cán bộ, PPMU	<a href="mailto:hoangmanhthongphutho@gmail.com">hoangmanhthongphutho@gmail.com</a>	0385627899
Trần Văn Quyết	Cán bộ , PPMU	<a href="mailto:quyetknpt@gmail.com">quyetknpt@gmail.com</a>	0974.862.810
<b>Ha Tinh</b>			
Nguyễn Xuân Hoan	Giám đốc, PPMU	<a href="mailto:xuanhoansnn@gmail.com">xuanhoansnn@gmail.com</a>	0944667999
Lê Thị Thúy Hòa	Kế toán, PPMU		0919854935
Lương Xuân Nam	DARD		

Trần Viết thức	TP Kế hoạch, PPMU		0983631172
Cao Thị Phương Thúy	Kế toán, PPMU		0911099288
Nguyễn Thị Hải Yến	Cán bộ , PPMU		0912419290
Nguyễn Thị Hoài Thu	Cán bộ, PPMU		0911436788
<b>Bac Giang</b>			
Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc, PPMU	kiengseapbg@gmail.com	0949140737
Dương Thế Khoa	Cán bộ, PPMU	thekhoabg@gmail.com	0985588750
Trần Thanh Phong	Cán bộ, PPMU	tranhthanhphong@gmail.com	0975.144.946

**TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỔNG THỂ DỰ ÁN**

(tính đến 31/8/2019)

TT	Hợp phần/ Hoạt động	Vốn theo yêu cầu (VND mil.)	Trọng số	Số giải ngân (VND mil.)	Tỷ lệ theo tiến độ (0 - 100)	Tiến độ theo trọng số
<b>Hợp phần 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi</b>						
1	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học	52,100	6.1%	47,624	91	5.6%
2	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây	42,440	5.0%	40,057	94	4.7%
3	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án	209,628	24.5%	188,169	90	22.0%
4	Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH	23,790	2.8%	19,499	82	2.3%
5	Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia	2,237	0.3%	2,237	100	0.3%
<b>Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học</b>						
6	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án	29,183	3.4%	29,183	100.00	3.4%
<b>Hợp phần 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp</b>						
7	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp các như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP)	103,759	12.1%	32,772	31.58	3.8%
8	Xây dựng các mô hình quản lý chất chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK	111,590	13.0%	66,882	60	7.8%
9	Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và thăm quan học tập về CSAWMP	21,890	2.6%	21,009	96	2.5%
10	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP	23,150	2.7%	14,970	65	1.8%
11	Gói thầu 46: Cung cấp hệ thống thiết bị kiểm chứng phục vụ kiểm tra chất lượng nguyên liệu sản xuất và sản phẩm phân bón hữu cơ	32,138	3.8%		-	0.0%

TT	Hợp phần/ Hoạt động	Vốn theo yêu cầu (VND mil.)	Trọng số	Số giải ngân (VND mil.)	Tỷ lệ theo tiến độ (0 - 100)	Tiến độ theo trọng số
<b>Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả</b>						
12	Thành lập Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động; Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA	116,085	13.6%	87,562	75	10.2%
13	Tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới; tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS; Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ	87,363	10.2%	47,627	55	5.6%
<b>Total</b>		<b>855,353</b>	<b>100%</b>	<b>597,591</b>	<b>940</b>	<b>69.9%</b>



**Tỷ lệ giải ngân tổng thể**  
(*Tính đến 31/8/2019* )

TT	CPMU/Tỉnh	Vốn dự án theo nhu cầu (VND mil.)			Giải ngân thực tế (VND mil.)			
		Vốn ADB	Vốn đối ứng	Tổng	Vốn ADB	Vốn đối ứng	Tổng	%
*	CPMU	271,219	32,525	303,744	149,229	20,470	169,699	56%
1	Binh Dinh	58,829	6,005	64,834	50,753	3,257	54,010	83%
2	Bac Giang	78,446	4,855	83,301	57,415	2,555	59,970	72%
3	Ben Tre	33,806	3,168	36,974	28,319	1,488	29,807	81%
4	Ha Tinh	39,563	8,475	48,038	31,466	4,649	36,115	75%
5	Lao Cai	33,996	3,841	37,837	27,032	2,614	29,646	78%
6	Nam Dinh	62,506	5,129	67,635	47,518	3,129	50,647	75%
7	Phu Tho	73,565	5,157	78,722	65,852	3,057	68,909	88%
8	Soc Trang	28,179	3,939	32,118	20,274	2,389	22,663	71%
9	Son La	24,803	5,703	30,506	20,581	2,570	23,151	76%
10	Tien Giang	27,859	2,850	30,709	22,307	1,486	23,793	77%
11	VBARD	6,530	1,152	7,682	6,530	1,152	7,682	100%
12	Co-opbank	18,276	3,225	21,501	18,276	3,225	21,501	100%
*	IDC	51,115	-	51,115	11,629	-	11,629	23%
<b>Tổng VND tr.</b>		<b>808,690</b>	<b>86,024</b>	<b>894,714</b>	<b>557,179</b>	<b>52,041</b>	<b>609,220</b>	<b>68%</b>
<b>Tổng USD mil.</b>		<b>37.189</b>	<b>3.952</b>	<b>41.141</b>	<b>26.629</b>	<b>2.487</b>	<b>29.116</b>	<b>68%</b>

**Tiến độ thực hiện Các hoạt động tiếp theo đã thống nhất**  
(Đến ngày 30/8/2019)

STT	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
1	Bộ NN&PTNT đệ trình để đạt được sự chấp thuận của Chính phủ cho việc gia hạn dự án thêm 1 năm sớm nhất có thể, và ADB sẽ xử lý việc gia hạn khoản vay sau khi nhận được yêu cầu chính thức của Chính phủ	<b>Đã thực hiện</b> Bộ Tài Chính đã gửi yêu cầu chính thức vào ngày 27/6/2019 và ADB đã phê duyệt vào ngày 28/6/2019
2	Ban QLDATEW đệ trình phân bổ lại toàn bộ quỹ dự án lên cho Bộ NN & PTNT phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 năm 2019, xem xét khoản thiếu hụt khoản vay ADB là 0,166 triệu USD	<b>Đã thực hiện</b>
3	Các ban QLDA cấp tỉnh yêu cầu xác định và cung cấp chương trình tái đào tạo (bao gồm quản lý các vấn đề kỹ thuật như quá tải nhà máy khí sinh học hoặc khí dư) cho những người vận hành nhà máy khí sinh học (BP-biogas plant) được xác định trước. Các công nhân, thợ xây / kỹ thuật viên được chọn cũng có thể được tái đào tạo để tư vấn cho nông dân về sự phát triển và vận hành và bảo trì (O&M) thích hợp cho BP. Chương trình tái đào tạo (nếu cần) nên được thực hiện càng sớm càng tốt nhưng không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm	<b>Đã thực hiện</b> Từ 28/2 - 30/6/2019 Ban QLDA cấp tỉnh đã tổ chức 14 lớp đào tạo công nhân và 13 lớp đào tạo cho kỹ thuật viên
4	Các mô hình trình diễn/ nghiên cứu đã hoàn thành được xếp hạng một cách thỏa đáng bởi cơ quan chức năng được chỉ định có thể được nhân rộng, sao chép không quá một mô hình mỗi loại cho mỗi tỉnh dự án, đối tượng để có thể hoàn thành trong khung thời gian của dự án. Bất kỳ hoạt động nào kéo dài sau ngày kết thúc khoản vay phải được tài trợ bởi các quỹ đối ứng, được xác nhận bằng thư chính thức của Bộ NN & PTNT gửi cho ADB trước khi hợp đồng được trao	<b>Đang được thực hiện</b> Kết quả nghiên cứu đã được đệ trình lên DSTE (Bộ NN & PTNT) để phê duyệt nhân rộng trước
5	APMB / CPMU sẽ gia hạn hợp đồng của LIC đến ngày 31 tháng 3 năm 2019 để hỗ trợ triển khai các hoạt động của dự án	<b>Chưa thực hiện</b> APMB đã không đệ trình thời hạn tham chiếu (TOR) và dự toán chi phí cho phần còn lại của hợp đồng LIC cho Cục hợp tác quốc tế (ICD) của Bộ NN&PTNT để chứng thực
6	CPMU / PPMU đệ trình để phổ biến lại các yêu cầu báo cáo (ví dụ: mẫu báo cáo, hệ thống quản lý dữ liệu tập trung vào tính nhất quán của dữ liệu / thông tin) cho tiến độ dự án / báo cáo đánh giá nhiệm vụ cho ADB vào tháng 7 năm 2019 (nếu dự án được gia hạn thêm thời gian)	<b>Đã thực hiện</b> Đã gửi tài liệu qua số 1228 / DANN-LCASP

STT	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
7	Các FI gửi đơn xin rút tiền để thanh khoản số tiền đã sử dụng từ tạm ứng quỹ của ADB và hoàn trả số tiền chưa sử dụng của tạm ứng quỹ cho ADB trước ngày 30 tháng 6 năm 2019	<b>Đang được thực hiện</b> FI đã nộp đơn xin hoàn trả cho Bộ Tài Chính (Agri-Bank: No.5477 / Ngân hàng Nhà Nước-ĐCTC ngày 28/6/2019 và Coop-Bank: 972 / CV-NHHT ngày 05/7/2019) để phê duyệt.
<b>Các khuyến nghị về quản lý môi trường</b>		
8	CPMU và các đơn vị tư vấn nghiên cứu tiếp tục và còn đẩy nhanh các hoạt động nghiên cứu và thí điểm trong việc áp dụng CSAWMP. Cần đặc biệt chú ý đến việc cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng khí sinh học hiệu quả - tăng tốc độ thử nghiệm và sử dụng hợp lý các bộ lọc khí và máy phát điện để nhân rộng (gói 26). Xem xét cải thiện vệ sinh môi trường để tiết kiệm nước trong chăn nuôi lợn (gói 27), xem xét sự bùng phát của dịch lợn và biến đổi khí hậu;	<b>Đang được thực hiện</b> (không có LIC để hỗ trợ tăng tốc các nghiên cứu và hoạt động thử nghiệm trong ứng dụng CSAWMP)
9	CPMU đệ trình để thực hiện một hội thảo đào tạo tập trung vào giám sát hiệu quả môi trường bằng thiết bị giám sát môi trường trong quý 2. Năm 2019. Khóa đào tạo nhằm hướng dẫn nhân viên môi trường của Cục sản xuất chăn nuôi và các ban QLDA cấp tỉnh (PPMU) thuộc DARDs xử lý lấy mẫu và phân tích môi trường	<b>Chưa thực hiện</b>
10	PPMU đệ trình để thực hiện giám sát hiệu ứng môi trường và tích hợp các kết quả vào SEMR tiếp theo trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2019, dự kiến đến ngày 31 tháng 7 năm 2019	<b>Chưa thực hiện</b>
<b>Khuyến nghị về các biện pháp an toàn xã hội</b>		
11	PPMU muốn tăng cường khuyến khích những người tham gia xúc tiến CSAWMP giữa các dân tộc thiểu số (EM) bằng cách phối hợp với các cơ quan / hiệp hội có liên quan (ví dụ: khuyến nông và nhân viên thú y, các nhóm phụ nữ) để tiến hành các hoạt động phổ biến thông tin và các sự kiện liên quan đến các nhà máy khí sinh học (BP) vào cuối dự án	<b>Đang được thực hiện</b> Từ ngày 28 tháng 2 đến ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại 6 tỉnh dân tộc thiểu số, có Lào Cai và Bình Định đã tổ chức 12 Hội thảo và hội thảo tuyên truyền với tổng số 669 người tham gia, trong đó có 76 người dân tộc thiểu số, chiếm 11,4%.
12	PPMU thường xuyên tổ chức các chuyến thăm địa điểm cho khách hàng tiềm năng thuộc dân tộc thiểu số đến các nhà máy khí sinh học điển hình tại địa phương cũng như các mô hình CSAWMP thành công của LCASP, thu hút nhiều phụ nữ DTTS (EM) tham gia trong các hoạt động / sự kiện quảng bá CSAWMP như vậy (ví dụ như đào tạo, đi thực địa, gặp gỡ không chính thức, v.v. ) để nhân rộng sang các khu vực EM	<b>Đang được thực hiện</b> 28 / 3-30 / 8/2019, PPMU đã tổ chức các khóa đào tạo về CSAWMP cho phụ nữ DTTS (thêm 3 người)
13	CPMU tăng cường giám sát để đảm bảo rằng tất cả các mục tiêu trong EMDP đạt được khi kết thúc dự án; và (iv) CPMU để gửi báo cáo hoàn thành triển khai EMDP	<b>Đang được thực hiện</b> Thông qua các cán bộ DTTS của PPMU, CPMU hàng quý

STT	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
	trước ngày kết thúc dự án	kêu gọi PPMU tích hợp EM vào các hoạt động của dự án để đảm bảo đạt được các mục tiêu dự án khi kết thúc dự án.
<b>Khuyến nghị về Kế hoạch hành động giới (GAP)</b>		
14	PPMU hợp tác với Hội Phụ nữ (WU) và Hội Nông dân để thực hiện các khóa đào tạo về CSAWMP cho nông dân và cán bộ khuyến nông để đảm bảo vào cuối dự án, những mục tiêu này sẽ đạt được	<b>Đang được thực hiện</b> 28 / 3-30 / 8/2019, PPMU đã tổ chức các khóa đào tạo về CSAWMP cho nông dân tăng 352 người
15	PPMU tiến hành nhiều sự kiện phổ biến hơn với nhóm chỉ dành cho phụ nữ thông qua các cuộc họp của hội phụ nữ (WU) để thông báo về các hoạt động của dự án và CSAWMP	<b>Đang được thực hiện</b> 28 / 3-30 / 8/2019, 175 phụ nữ đã được đào tạo các khóa học về CSAWMP
16	CPMU yêu cầu các nhà thầu của Gói 26 và 27 báo cáo kết quả nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về giới trong báo cáo tiến độ tiếp theo	<b>Đã thực hiện</b> Đã gửi tài liệu theo số 853 / DANN-LCASP ngày 6/6/2019
17	CPMU để chuẩn bị báo cáo về GAP PCR dựa trên mẫu ADB (trong trường hợp dự án không được gia hạn)	<b>Chưa thực hiện</b>
<b>Các hành động tiếp theo khác được đoàn công tác chấp thuận vào tháng 9 năm 2018 mà chưa được thực hiện, thực hiện một phần và đang được thực hiện.</b>		
18.1	CPMU hợp tác với chuyên gia tư vấn môi trường của LIC để cung cấp hướng dẫn sử dụng bùn sinh học và phân ủ làm phân bón, tránh lạm dụng phân chuồng chưa được xử lý vào tháng 10 năm 2018	<b>Đã thực hiện được một phần.</b> Hoạt động thí điểm được thực hiện tại Bắc Giang, Nam Định và Sóc Trăng. Hợp đồng LIC chưa được gia hạn, và tư vấn môi trường chưa được huy động
18.2	CPMU hợp tác với chuyên gia tư vấn môi trường của LIC để hướng dẫn và lập kế hoạch sử dụng khí sinh học do MBPs / LBP sản xuất, tránh thải khí vào khí quyển vào tháng 11 năm 2018	<b>Chưa thực hiện.</b> Hoạt động thí điểm (Gói 26) được triển khai tại tỉnh Nam Định và Bình Định
18.3	CPMU hợp tác với PPMU để cải thiện tài liệu trong cơ sở dữ liệu khí sinh học và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ gia đình hưởng lợi từ dự án trong việc vận hành SBP và cải thiện vệ sinh và vận hành an toàn cho các nhà máy khí sinh học	<b>Đang được thực hiện</b>
18.4	CPMU hỗ trợ PPMU trong việc giải quyết vấn đề quá tải của SBPs vào tháng 11 năm 2018	<b>Đang được thực hiện.</b> Hướng dẫn quy định phân tách phân và ủ phân hữu cơ, giảm các nhà máy khí sinh học quá tải
18.5	CPMU với sự hỗ trợ từ chuyên gia tư vấn môi trường của LIC để hỗ trợ PPMU sử dụng thiết bị môi trường và thực hiện chương trình lấy mẫu, có thể được tích hợp	<b>Chưa thực hiện</b> Hợp đồng LIC chưa được gia hạn, và tư vấn môi trường

STT	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
	với kiểm tra khí sinh học và trong các SEMR tiếp theo từ tháng 9 năm 2018	chưa được huy động
18.6	Các nhà nghiên cứu CPMU và CSAWMP nghiên cứu sử dụng đúng cách máy phát điện cho LBP / MBP vào tháng 6 năm 2019	<b>Đang được thực hiện.</b> Hoạt động thí điểm tại tỉnh Nam Định và Bình Định.
18.7	Từ giờ đến khi hoàn thành dự án, CPMU và PPMU với sự hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn triển khai cho vay (LIC) để tiến hành giám sát nội bộ các hoạt động EMDP được cập nhật và đề xuất các biện pháp để tăng tốc triển khai.	<b>Đã thực hiện được một phần</b> như hợp đồng của nhà tư vấn các biện pháp an toàn xã hội LIC, chưa được gia hạn thêm, họ chỉ làm việc cho đến tháng 12 năm 2018
18.8	CPMU và PPMU chủ động tiếp cận giúp phụ nữ tham gia các khóa đào tạo về xây dựng MBP và LBP, đặc biệt là lao động nữ để đạt được các mục tiêu GAP	<b>Đã thực hiện</b> vì tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo về MBP và LBP chỉ là 14,3%, thấp hơn mục tiêu 15%.
18.9	PPMU hợp tác với hội phụ nữ (WU) để tiến hành các sự kiện phổ biến chỉ với nhóm phụ nữ hoặc thông qua các cuộc họp của WU để thông báo về các hoạt động của dự án do Tiên Giang PPMU thực hiện <sup>1</sup>	<b>Đã thực hiện</b> , chỉ có 11,4% các sự kiện phổ biến có sự tham gia của các nhóm phụ nữ, thấp hơn mục tiêu 30%.
<b>Đánh giá chuyên công tác</b>		
19	Nhiệm vụ đánh giá tiếp theo của ADB sẽ được thực hiện vào tháng 9 năm 2019	<b>Đã thực hiện</b>

<sup>1</sup> Ban QLDA tỉnh Tiền Giang đã phối hợp với các Hội phụ nữ cấp huyện và xã để tổ chức các sự kiện phổ biến về hoạt động của dự án cho những người đứng đầu hội phụ nữ, sau đó họ sẽ phổ biến lại cho các thành viên trong hội. Đây là 1 phương án tốt để thu hút sự tham gia của phụ nữ vào các khóa đào tạo, cũng như phổ biến lợi ích của việc sử dụng KSH và CSAWMP.

**Xây dựng công trình KSH tại các tỉnh**

(Đến 31/8/2019)

No	Tỉnh	Công trình khí sinh học được xây dựng									
		Nhỏ		Vừa		Lớn	Tổng	%	DTTS	%	Đã chuyển tiền hỗ trợ
		3 triệu	5 triệu	10 triệu	50 triệu						
1	Lao Cai	2,483	1,149	0	4	0	3,636	6.1%	1,924	3.3%	3,413
2	Son La	2,128	878	0	0	0	3,006	5.1%	1,688	2.9%	2,810
3	Phu Tho	10,000	835	4	0	0	10,839	18.3%	431	0.7%	10,499
4	Bac Giang	7,460	1,365	0	25	0	8,850	15.0%	880	1.5%	8,848
5	Nam Dinh	4,894	656	0	7	2	5,559	9.4%	0	0.0%	5,542
6	Ha Tinh	5,276	0	6	2	0	5,284	8.9%	0	0.0%	5,247
7	Binh Dinh	8,368	647	0	7	0	9,022	15.2%	5	0.0%	8,819
8	Tien Giang	2,785	1,124	0	2	0	3,911	6.6%	0	0.0%	3,718
9	Ben Tre	5,527	293	0	3	0	5,823	9.8%	1	0.0%	5,755
10	Soc Trang	2,826	429	0	5	0	3,260	5.5%	1,147	1.9%	3,251
	<b>Tổng</b>	<b>51,747</b>	<b>7,376</b>	<b>10</b>	<b>55</b>	<b>2</b>	<b>59,190</b>	<b>100%</b>	<b>6,076</b>	<b>10.3%</b>	<b>57,902</b>

## Đào tạo về khí sinh học

(Tính 31/8/2019)

TT	Tỉnh	Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu								
		Người sử dụng		Thợ xây		Kỹ thuật viên		Kỹ sư		Nhà thầu
		Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	
*	CPMU			126	3	710	182	28	4	18
1	Lao Cai	8,903	4,693	49	4	27	7	0	0	0
2	Son La	3,001	1,069	29	0	75	11	0	0	0
3	Phu Tho	19,915	10,945	70	12	127	45	0	0	0
4	Bac Giang	17,687	8,737	19	1	43	11	0	0	0
5	Nam Dinh	11,618	6,422	0	0	70	13	0	0	0
6	Ha Tinh	13,082	8,189	126	3	56	14	0	0	0
7	Binh Dinh	9,285	4,327	28	0	53	8	0	0	0
8	Tien Giang	7,820	5,394	34	0	25	4	0	0	0
9	Ben Tre	15,360	6,523	28	5	22	3	0	0	0
10	Soc Trang	6,485	2,439	57	1	73	2	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>113,156</b>	<b>58,738</b>	<b>566</b>	<b>29</b>	<b>1,281</b>	<b>300</b>	<b>28</b>	<b>4</b>	<b>18</b>
<b>Tỷ lệ (%)</b>			<b>51.9%</b>		<b>5.1%</b>		<b>23.4%</b>		<b>14.3%</b>	

**Thông tin về mô hình đoàn ADB tham quan  
Tháng 9-2019**

---

## I. SƠN LA

### 1. Mô hình máy tách phân trang trại bò sữa.

**Trang trại ông: Nguyễn Thạch Lỗi**

Địa chỉ: Tiểu khu 67, Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

**Mô tả về hoạt động trang trại:**

- Tổng diện tích trang trại 10ha
- + Diện tích chuồng nuôi 5000 m<sup>2</sup>.
- + Diện tích nhà xưởng lắp đặt thiết bị máy tách phân, kho chứa là 400m<sup>2</sup>
- + Diện tích trồng cỏ, ngô phục vụ thức ăn cho đàn bò là hơn 9ha.
- Trang trại được đầu tư với quy mô lớn với giá thành lên tới 30 tỷ đồng. Với quy mô chăn nuôi đạt 200 con, hiện tại số lượng đàn đã đạt tới mức tối đa. Trong đó, số lượng bê sinh ra đạt 20% (10% bê đực và 10% bê cái). Số lượng bê đực được thải loại cho các nhà hàng còn số lượng bê cái được chăm sóc thay thế cho số lượng bò thải loại sau thu hoạch sữa (do già, bệnh cần loại bỏ). Số lượng chăn nuôi để bổ xung thay thế cho số lượng thải loại cân đối theo số lượng bê cái được sinh ra.
- Do số lượng đàn lớn, thức ăn cung cấp đủ cho đàn cần đạt là 1.500 tấn/năm cho nên với diện tích 9ha trồng cỏ, ngô để phục vụ thức ăn chăn nuôi thì trang trại cần nhập mua thêm ngô là 1.000 tấn/năm.
- Thu hoạch sữa 2 lần/ngày, một tháng thu hoạch khoảng 40 - 45 tấn sữa với giá thành hiện tại 12.000 đồng/lít.
- Được dự án LCASP hỗ trợ máy tách phân, trang trại đã đầu tư 500 triệu vào nhà xưởng để đặt hệ thống máy tách phân (trong đó có 1 dàn máy trang trại đã mua để sử dụng trong thời gian đợi Dự án hỗ trợ) và khu tích trữ lượng phân ép với diện tích 400m<sup>2</sup>. Để tham gia theo quy định của Dự án, trang trại đã đầu tư xây dựng công trình khí sinh học HDPE để tận dụng triệt để lượng phân dư thừa góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sử dụng triệt để khí gas. Hiện tại trang trại đang đặt mua hệ thống máy phát điện chạy bằng khí biogas để phục vụ cho quá trình đun nước thu hoạch sữa.
- + Công trình khí sinh học HDPE với thể tích đạt 500m<sup>3</sup>.
- + Bể môi trường với diện tích 1600m<sup>3</sup> phục vụ cho tưới cho cả diện tích trồng cỏ của trang trại.
- Để sử dụng được hệ thống máy móc thì trang trại sử dụng điện lưới 3 pha với điện năng sử dụng thu hoạch sữa và chạy máy tách phân tiêu thụ mỗi tháng là 10 triệu tiền điện với giá bình quân là 1500 đồng/kw.
- Với lượng chất thải chăn nuôi trang trại sử dụng máy tách 2 ngày 1 lần. số lượng phân ép được bình quân trên 100 tấn/tháng. Số lượng phân bán ra thị trường từ 1.800 - 2.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về thương hiệu và môi trường thì số lượng phân ép trang trại không được bán ra thị trường mà chỉ sử dụng cho trang trại và chia sẻ cho các vườn xung quanh.





## 2. Công trình KSH quy mô nhỏ với tiêu chí phụ nữ, dân tộc được tham gia tập huấn vận hành.

### Hộ chăn nuôi: Đặng Thị Vân

Địa chỉ: Bản Suối khem, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

- Với tổng diện tích > 2 ha
- + Diện tích chăn nuôi 250m<sup>2</sup>
- + Diện tích trồng chè > 1 ha.
- + Diện tích trồng cam 0,5 ha
- + Diện tích trồng lúa 1 sào ( 360m<sup>2</sup>)

### Mô tả về hoạt động chăn nuôi:

- Chăn nuôi gia súc với quy mô lợn thịt 100 con, lợn nái 5 con. Hiện tại, chuồng nuôi có 4 lợn lái và 30 lợn con với trọng lượng 30kg/con
- Do chăn nuôi với quy mô nhỏ và sử dụng giống lợn địa phương nên 1 năm chỉ chăn nuôi 2 lứa và bán rải rác theo nhu cầu của người dân xung quanh nên trọng lượng lợn không đạt được tối đa.
- Tổng thu nhập bình quân đạt 150 triệu/năm:
- + Thu hoạch chè 100 triệu/năm.

- + Thu hoạch hoa quả và chăn nuôi lợn đạt 50 triệu/năm.
- Được sự hỗ trợ của Dự án LCASP với công trình quy mô nhỏ, gia đình đã sử dụng hiệu quả triệt để mô hình chăn nuôi kết hợp hệ thống biogas và nước thải tưới cho cây trồng.
- + Hộ chăn nuôi đã đầu tư vào chuồng trại và công trình khí sinh học với số tiền 250 triệu đồng. Trong đó có công trình khí sinh học biogas KT1 với thể tích 12,1 m<sup>3</sup> và bể môi trường 2 ngăn lọc với thể tích 39 m<sup>3</sup> dùng để tưới cho diện tích chè và cam.
- + Ngoài ra hộ chăn nuôi còn có 1 hố ủ phân với thể tích 2m<sup>3</sup> dùng để bón cam và chia sẻ cho vườn bưởi của con trai bên cạnh.
- Nhờ có công trình khí sinh học hỗ trợ từ Dự án mà gia đình đã tận dụng triệt để khí gas tránh ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tối đa lượng củi không còn chặt phá rừng. Lượng nước thải được thu gom gọn gàng phục vụ cho mục đích tưới tiêu, tiết kiệm được chi phí phân bón.



## II. TIỀN GIANG

### 1. Mô hình sử dụng máy phát điện bằng khí sinh học quy mô trang trại:

Trang trại ông: Nguyễn Văn Lực

Địa chỉ: xã Xuân Đông huyện Chợ Gạo

- Loại gia súc: Lợn thịt quy mô 1.000 con, lợn nái 300 con

Mô tả về hoạt động trang trại: công suất máy 40 KW

- Nhờ đầu tư của dự án LCASP thông qua hỗ trợ mô hình “sử dụng máy phát điện bằng khí sinh học quy mô trang trại” đã mang lại hiệu quả rất lớn:

Giải quyết lượng thừa khí ga, phần lớn lượng điện sinh ra từ máy phát điện KSH dùng để chạy máy bơm, bình nóng lạnh, thắp sáng cho khu chăn nuôi, sưởi ấm cho đàn gia súc và điện sinh hoạt gia đình, giúp tăng thêm thu nhập cho chủ hộ thông qua tiết kiệm tiền điện hàng tháng.



### 2. Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại.

\* Trang trại bà: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo

- Loại gia súc: Lợn thịt quy mô 2.000 con.

Hiệu suất tách phân 2 ngày/lần, 25 bao/lần x 23kg/bao

\* Trang trại ông: Trần Văn Sang

Địa chỉ: Xã Thanh Mỹ, huyện Tân Phước

- Loại gia súc: Lợn thịt quy mô 2.400 con.

Hiệu suất tách phân 2 ngày/lần, 30 bao/lần x 23kg/bao

Mô hình góp phần rất lớn trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường, làm thay đổi hành vi, nhận thức của người chăn nuôi, bước đầu góp phần giải quyết nhu cầu phân bón tại chỗ, sử dụng để bón cho cây ăn trái và tăng thêm thu nhập.



### 3. Mô hình biogas qui mô nhỏ

\* Hộ chăn nuôi: Lê Thị Ngọc Thủy

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho

- Loại gia súc: Bò sữa quy mô 20 con.

\* Hộ chăn nuôi: Đoàn Thị Hiền

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho

- Loại gia súc: Bò thịt quy mô 8 con.

Góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, cung cấp chất đốt phục vụ đun nấu, chia khí ga cho hộ chung quanh, tránh xả thải khí ga thừa ra môi trường, nước xả thải sau biogas làm nguồn nước tưới cho trồng cỏ, góp phần tăng thu nhập gia đình.

### III. HÀ TĨNH

#### 1. Công trình Khí sinh học (KSH) quy mô nhỏ

##### 1.1. Công trình KSH quy mô nhỏ của ông Kiều Minh Tân:

Địa chỉ: Khối 10, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Mô tả về hoạt động công trình:

- + Loại công trình : Composite, xây lắp trong khuôn viên gia đình
- + Mã công trình LCASP/HT-HS/090814-CPS:9m3-0068
- + Thể tích 9m<sup>3</sup> xử được chất thải 20 con lợn là định mức tốt nhất; hiện gia đình nuôi 16

con lợn.

- + Tổng diện tích chuồng trại và hầm bể Biogas 150m<sup>2</sup>
- + Ước tính lợi ích sau khi xây lắp hầm bể biogas trong 1 năm của gia đình khoảng 10

triệu đồng

- + Hoạt động hầm bể biogas đi theo lợi ích
  - Cung cấp chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình
  - Nước thải sau bể biogas phục vụ tưới cây công nghiệp, cây nông nghiệp
  - Giải quyết ô nhiễm môi trường nông hộ khoảng 90%
  - Tiết kiệm sức lao động cho phụ nữ, trẻ em trong gia đình
- + Đầu tư cho một công trình hầm bể Biogas và làm các hầm bể phụ đi theo công trình

khoảng 17.500.000 VNĐ

Nhờ đầu tư của dự án LCASP thông qua hỗ trợ công trình hầm bể Biogas và kỹ thuật viên hướng dẫn, đã mang lại hiệu quả lớn cho các hộ tham gia dự án.

##### 1.2. Công trình KSH quy mô nhỏ của ông Nguyễn Tiến Lệ:

Địa chỉ: Khối 13, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Mô tả về hoạt động công trình:

- + Loại công trình : Composite, xây lắp trong khuôn viên gia đình
- + Mã công trình LCASP/HT-HS/270518-CPS:9m3:0570
- + Thể tích 9m<sup>3</sup> xử được chất thải 20 con lợn là định mức tốt nhất; hiện gia đình nuôi 07

con lợn thịt và nái

- + Tổng diện tích chuồng trại và hầm bể Biogas 135m<sup>2</sup>
- + Ước tính lợi ích sau khi xây lắp hầm bể biogas trong 1 năm của gia đình khoảng 08

triệu đồng

- + Hoạt động hầm bể biogas đi theo lợi ích
  - Cung cấp chất đốt phục vụ gia đình
  - Nước thải tưới cây công nghiệp và cây nông nghiệp dài ngày
  - Giải quyết ô nhiễm môi trường khoảng 95%
  - Thấp đèn điện bằng khí ga công trình KSH
  - Tiết kiệm sức lao động cho phụ nữ
- + Đầu tư cho một công trình hầm bể Biogas và làm các hầm bể phụ đi theo công trình

khoảng 17.000.000 VNĐ

Nhờ đầu tư của dự án LCASP Hà Tĩnh thông qua hỗ trợ công trình hầm bể Biogas và kỹ thuật viên hướng dẫn, đã mang lại hiệu quả lớn cho các hộ tham gia dự án.



## 2. Mô hình trình diễn góitầu số 45

1. Tên mô hình: “Sử dụng nước xả sau công trình khí sinh học làm phân bón tưới cho cây ăn quả, cây công nghiệp quy mô nhóm hộ”.

2. Địa điểm xây dựng: Xóm Phố Tây, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.



**3. Mục tiêu mô hình:** Sử dụng nước xả sau công trình khí sinh học biogas của trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô duy trì 2.400 con tưới cho diện tích cây cao su, chè và cây ăn quả cam, bưởi của nhóm hộ trồng rừng tại xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh. Nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, lâm sản có giá trị cao thông qua vận dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước khu vực địa hình đồi núi khó khăn.

**4. Quy mô thiết kế tưới:**

a. Quy mô tưới của mô hình: Sử dụng nước xả sau công trình khí sinh học biogas tưới cho diện tích 45ha cây công nghiệp và cây ăn quả, trong đó: 28ha cây cao su, chè và 17ha cây ăn quả cam, bưởi. Nhóm hộ hưởng lợi từ mô hình tưới gồm:

- Ông Trần Việt Hùng: 13 ha cây cam, bưởi và 03 ha cây cao su, chè;
- Trần Phi Nga: 4 ha cây cam, bưởi;
- Nguyễn Thị Hà: 17 ha cây cao su;
- Hồ Xuân Vịnh: 6 ha cây cao su;
- Nguyễn Trọng Đông: 2 ha cây cao su.

b. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Hệ thống cấp nước trang trại chăn nuôi, trồng trọt tập trung của tổ hợp tác xóm Phố Tây, xã Sơn Tây bao gồm 02 tuyến đường ống cấp nước lên các bể chứa và tưới trực tiếp.

- Công trình đầu 2 tuyến được gắn 02 máy bơm áp lực cao, nước được lấy từ bể chứa nước xả sau biogas (bể có sẵn), máy bơm trục ngang, cánh hờ Pentax CM40-250B, công suất 11 kw, điện áp sử dụng 380V (dòng điện 3 pha), Lưu lượng bơm đạt 9-42 m<sup>3</sup>/h.; đồng hồ đo lưu lượng nước, van xả khí, bộ lọc đĩa, đồng hồ đo áp lực nước, bộ châm phân Ventury2, bồn nhựa HDPE đựng phân 200L (lít), rọ chắn rác.

- Hệ thống cấp nước tưới mô hình, gồm 04 máy bơm Pentax CAB200 sử dụng nguồn điện 220V (dòng điện 1 pha), trục ngang, cánh hờ, công suất 1,5kw.

- Thông số kỹ thuật 02 tuyến đường ống chính cấp nước:

+ Tuyến 1: Tổng chiều dài đường ống HDPE D63 là 2.670m, chiều dài ống HDFE D20 là 30.000m, cấp nước tưới trực tiếp cho 03ha cao su và chuyển nước lên 04 bể trữ nước bê tông cốt thép tưới cho diện tích 13ha cam, bưởi;

+ Tuyến 2: Tổng chiều dài đường ống HDPE D63 là 3.830m, chiều dài ống HDFE D20 là 12.500m cấp nước tưới cho 25ha cao su và 04ha cam, bưởi.

- Tuyến đường ống chính dẫn nước từ nguồn nước lên bể trữ nước và từ bể trữ nước đến các khu tưới bằng ống HDPE D63, tuyến nhánh tới các khu tưới bằng ống HDPE D20.

- Hình thức tưới: Đối với diện tích cây ăn quả cam, bưởi: Sử dụng Béc tưới phun mưa cục bộ tại gốc; đối với diện tích cao su, chè: Sử dụng hình thức tưới tự do tại gốc, người dân tưới tự do.

**5. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Ngày khởi công: 18/6/2019.

- Ngày hoàn thành theo hợp đồng: 17/7/2019

- Ngày hoàn thành, bàn giao sử dụng: 17/7/2019



## Tình hình hợp phần tín dụng

(Tính đến 31/8/2019)

TT	Tỉnh	Tín dụng_số khoản vay						
		VBARD		Coopbank		Tổng		
		Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	% nữ
1	Lao Cai	127	127			127	127	100%
2	Son La					0	0	
3	Phu Tho	8	8	31	31	39	39	100%
4	Bac Giang	83	83	119	119	202	202	100%
5	Nam Dinh					0	0	
6	Ha Tinh					0	0	
7	Binh Dinh	16	16	55	55	71	71	100%
8	Tien Giang	18	18			18	18	100%
9	Ben Tre					0	0	
10	Soc Trang					0	0	
	<b>Tổng</b>	<b>252</b>	<b>252</b>	<b>205</b>	<b>205</b>	<b>457</b>	<b>457</b>	<b>100%</b>

**Các nghiên cứu Thực hành Quản lý Chất thải Sử dụng trong Nông nghiệp Thông minh Ứng phó với Khí hậu (CSAWMP)**  
(Vào ngày 30, tháng 8 2019)

<b>Gói thầu số</b>	<b>Tên gói thầu</b>	<b>Trị giá (triệu VND)</b>	<b>Đã giải ngân (triệu VND)</b>	<b>Tình hình đấu thầu/thực hiện</b>
25	Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị	26,787	10,715 (40%)	Hợp đồng số 291217 / LCASP-HDTV25 ngày 29 tháng 12 năm 2017 Thời gian thực hiện: 18 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019) Gia hạn hợp đồng chưa được Chính phủ chấp thuận Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo về kế hoạch quản lý khu vực thí điểm cập nhật và chi tiết được phê duyệt; thanh toán lần thứ hai đã hoàn thành. Tư vấn đang hoàn thành các nghiên cứu và chuẩn bị các báo cáo kết quả nghiên cứu. Theo báo cáo của Tư vấn, Gói đã đăng ký các sản phẩm phân bón hữu cơ của LCASP theo Quyết định số 1933 / QĐ-BVTV-PB ngày 25 tháng 2 năm 2019 và Quyết định số 1951 / QĐ-BVTV-PB ngày 13/3/2019 , tạo cơ sở pháp lý cho việc chuyển nhượng và buôn bán các sản phẩm từ chất thải nông nghiệp
26	Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng khí sinh học hiệu quả theo chuỗi giá trị	22,097	8,839 (40%)	Hợp đồng số 291217 / LCASP-HDTV26 ngày 29 tháng 12 năm 2017 Thời gian thực hiện hợp đồng: 18 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019) Gia hạn hợp đồng chưa được Chính phủ chấp thuận Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo về kế hoạch quản lý khu vực thí điểm cập nhật và chi tiết được phê duyệt. Tư vấn đang hoàn thành các nghiên cứu và chuẩn bị các báo cáo kết quả nghiên cứu.
27	Nghiên cứu công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước	13,326	3,998 (30%)	Hợp đồng số 090517 / LCASP-HDTV27 ngày 31 tháng 5 năm 2018 Thời gian thực hiện hợp đồng: 13 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019)

Gói thầu số	Tên gói thầu	Trị giá (triệu VND)	Đã giải ngân (triệu VND)	Tình hình đấu thầu/thực hiện
				<p>Gia hạn hợp đồng chưa được Chính phủ chấp thuận</p> <p>Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo về kế hoạch quản lý khu vực thí điểm cập nhật và chi tiết được phê duyệt; Tư vấn đã hoàn thành các nghiên cứu và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu. APMB đã gửi báo cáo kết quả nghiên cứu cho DSTE để phê duyệt. DTSE đang xem xét và thành lập Ủy ban Khoa học.</p>
28	Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị	20,925	1,046 (5%)	<p>Hợp đồng số 310518 / LCASP-HDTV28 ngày 31 tháng 5 năm 2018</p> <p>Thời gian thực hiện: 13 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019)</p> <p>Gia hạn hợp đồng chưa được Chính Phủ chấp thuận</p> <p>Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt; Tư vấn đang hoàn thành các nghiên cứu và chuẩn bị các báo cáo kết quả nghiên cứu.</p>
29	Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm	15,314	4,594 (30%)	<p>Hợp đồng số 310518 / LCASP-HDTV29 ngày 31 tháng 5 năm 2018</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng: 13 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019)</p> <p>Gia hạn hợp đồng chưa được Gov chấp thuận</p> <p>Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo về kế hoạch quản lý khu vực thí điểm cập nhật và chi tiết được phê duyệt. Tư vấn đang hoàn thành các nghiên cứu và chuẩn bị các báo cáo kết quả nghiên cứu.</p>

Gói thầu số	Tên gói thầu	Trị giá (triệu VND)	Đã giải ngân (triệu VND)	Tình hình đấu thầu/thực hiện
42	Thí điểm công nghệ sản xuất phân hữu cơ khoáng chuyên dùng cho cây trồng chủ lực từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học ở Việt Nam	3,997	0	<p>Hợp đồng số 031218 / LCASP-HDTV42 được ký ngày 3 tháng 12 năm 2018, thời gian thực hiện hợp đồng là 7 tháng (kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019)</p> <p>Gia hạn hợp đồng chưa được Chính Phủ chấp thuận</p> <p>Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ đã được phê duyệt. Tư vấn đã hoàn thành các nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo kết quả nghiên cứu. Báo cáo nộp cho APMB để phê duyệt.</p>
43	Xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng chế phẩm VSV chuyển hóa chất hữu cơ phục vụ xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sau khí sinh học và chất thải trồng trọt tại Việt Nam để sản xuất phân bón hữu cơ	3,096	0	<p>Hợp đồng số 280119 / LCASP-HDTV43 ngày 28 tháng 1 năm 2019</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng: 5,5 tháng (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019)</p> <p>Gia hạn hợp đồng chưa được Chính Phủ chấp thuận</p> <p>Báo cáo khởi động đã được phê duyệt; Báo cáo đánh giá công nghệ nộp bản thảo đầu tiên. Nhà tư vấn đang sửa đổi dưới dạng nhận xét CPMU</p>
Tổng		105,542	29,192 (28%)	

**Tình hình thực hiện các gói mô hình trình diễn CSAWMP**

(Vào ngày 30 tháng 8 2019)

<b>Gói thầu số</b>	<b>Tên gói thầu</b>	<b>Tên tỉnh</b>	<b>Trị giá (triệu VND)</b>	<b>Giải ngân (triệu VND)</b>	<b>Tình hình đấu thầu/Thực hiện</b>
32	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, và Phú Thọ	Giá: 27.492 Lô 1: Bắc Giang: Giá trị hợp đồng: 7.117 Lô 2: Bến Tre: Giá trị hợp đồng: 4.983 Lô 3: Bình Định: Giá trị hợp đồng: 3.957 Lô 4: Phú Thọ Giá trị hợp đồng: 11.435	Lô 1: Bắc Giang: Đã giải ngân: 100%; Lô 2: Bến Tre: Đã giải ngân: 100%. Lô 3: Bình Định: Đã giải ngân: 100%; Lô 4: Phú Thọ Đã giải ngân: 100%;	Lô 1: Bắc Giang: Hợp đồng số01 / LCASP_02, ngày 11 tháng 7 năm 2017; Ngày hoàn thành: 11 tháng 7 năm 2018 8 hệ thống. Lô 2: Bến Tre: Hợp đồng số 60 / HD-LCASP, ngày 21 tháng 7 năm 2017; Ngày hoàn thành: 21 tháng 7 năm 2018; Gia hạn trước: 31/3/2019 5 hệ thống. Lô 3: Bình Định: Hợp đồng số 001 / HDKT-LCASP_04, ngày 18 tháng 7 năm 2017; Ngày hoàn thành: 18 tháng 7 năm 2018; Gia hạn trước: 19/9/2018 4 hệ thống. Lô 4: Hợp đồng Phú Thọ số 1028,17 / LCASP.PT-YGC, ngày 18 tháng 7 năm 2017; Ngày hoàn thành: 18 tháng 7 năm 2018; Gia hạn trước: 30/12/2018 13 hệ thống.  30 hệ thống phân tách đã được cài đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
33	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Hà Tĩnh, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang	Giá: 19.760 Lô 1: Hà Tĩnh: Giá trị hợp đồng: 2.277 Lô 2: Nam Định: Giá trị hợp đồng: 6.274 Lô 3: Sóc Trăng Giá trị hợp đồng: 1.427 Lô 4: Sơn La Giá trị hợp đồng: 4,785 Lô 5: Tiền Giang Giá trị hợp đồng: 4.996	Lô 1: Hà Tĩnh: Đã giải ngân: 80%; Các chứng từ thanh toán của phần còn lại nằm trong PPMU. Lô 2: Nam Định: Đã giải ngân: 100%; Lô 3: Sóc Trăng Đã giải ngân: 50%. Các chứng từ thanh toán của phần còn lại nằm trong phòng Ngân khố Lô 4: Sơn La Đã giải ngân: 100%;	Lô 1: Hà Tĩnh: Hợp đồng số 01/2017 / MHTD33-LCASP / HT, ngày 26 tháng 10 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 26 tháng 10 năm 2018; Gia hạn trước: 30/12/2018 2 hệ thống. Lô 2: Nam Định: Hợp đồng số 75 / HĐKT, ngày 28 tháng 10 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 28 tháng 10 năm 2018; 7 hệ thống. Lô 3: Sóc Trăng: Hợp đồng số 03 / ST / HĐ / LCASP, ngày 06 tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 06 tháng 11 năm 2018; Gia hạn trước: 30/5/2019 1 hệ thống. Lô 4: Sơn La: Hợp đồng số 27/10/2017, ngày 27 tháng 10 năm 2017; Ngày hoàn thành 27 tháng 10 năm 2018; 5 hệ thống. Lô 5: Tiền Giang: Hợp đồng số 15 / HĐ2017, ngày 07

Gói thầu số	Tên gói thầu	Tên tỉnh	Trị giá (triệu VND)	Giải ngân (triệu VND)	Tình hình đấu thầu/thực hiện
				Lô 5: Tiền Giang Đã giải ngân: 100%;	tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 07 tháng 11 năm 2018; Gia hạn trước: 31/12/2018 5 hệ thống  20 hệ thống phân tách đã được cài đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
34	Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ khí sinh học, máy phát điện và máy tách phân	Bình Định, Hà Tĩnh, Nam Định và Sóc Trăng	Giá: 10.248 Lô 1: Bình Định: Giá trị hợp đồng: 2.382  Lô 2: Hà Tĩnh: Giá trị hợp đồng: 1.874 Lô 3: Nam Định: Giá trị hợp đồng: 3.650 Lô 4: Sóc Trăng Giá trị hợp đồng: 2.342	Lô 1: Bình Định: Đã giải ngân: 85%; Các chứng từ thanh toán của phần còn lại nằm trong PPMU. Lô 2: Hà Tĩnh: Đã giải ngân: 100%; Lô 3: Nam Định: Đã giải ngân: 100%; Lô 4: SẠC Đã giải ngân: 100%;	Lô 1: Bình Định: Hợp đồng số 004 / HĐKT-LCASP04, ngày 22 tháng 5 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 22 tháng 5 năm 2019; Gia hạn trước: 22/6/2019 1 hệ thống. Lô 2: Hà Tĩnh: Hợp đồng số 01/2018 / MHTD34-LCASP / HT, ngày 24 tháng 4 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 28 tháng 4 năm 2019; Gia hạn trước: 30/12/2018 1 hệ thống. Lô 3: Nam Định: Hợp đồng số 46 / BQLDALCASP, ngày 20 tháng 4 năm 2018; Ngày hoàn thành 20 tháng 4 năm 2019 2 hệ thống. Lô 4: Sóc, hợp đồng số 06 / ST / HĐ-LCASP, ngày 10 tháng 5 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 10 tháng 5 năm 2019 1 hệ thống.  5 hệ thống đã được cài đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
35	Sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nông hộ.	Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định và Lào Cai	Giá: 4,413 Lô 1: Bắc Giang: Giá trị hợp đồng: 2.802 Lô 3: Bình Định: Giá trị hợp đồng: 1.611	Lô 1: Bắc Giang: Đã giải ngân: 100%; Lô 3: Bình Định: Đã giải ngân: 100%;	Lô 1: Bắc Giang: Hợp đồng số 54 / HĐKT, ngày 08 tháng 6 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 08 tháng 6 năm 2019 2 hệ thống. Lô 3: Bình Định: Hợp đồng số 005 / HĐKT-LCASP04, ngày 01 tháng 6 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 01 tháng 6 năm 2019 1 hệ thống.  02 hệ thống phân cách huy động đã được cài đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
36	Sử dụng máy phát điện bằng khí sinh học	Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Sóc	Giá: 6.272 Lô 1: Bình Định: Giá trị hợp đồng: 1,446	Lô 1: Bình Định Đã giải ngân: 100%;	Lô 1: Bình Định: Hợp đồng số 002 / HĐKT-LCASP-04, ngày 17 tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành 17 tháng 11 năm 2018



Gói thầu số	Tên gói thầu	Tên tỉnh	Trị giá (triệu VND)	Giải ngân (triệu VND)	Tình hình đấu thầu/thực hiện
		Trăng và Tiền Giang	Lô 3: Lào Cai: Giá trị hợp đồng: 2.896 Lô 4: SẠC: Giá trị hợp đồng: 761 Lô 5: Tiền Giang Giá trị hợp đồng: 1.169	Lô 3: Lào Cai: Đã giải ngân: 100%; Lô 4: SẠC: Đã giải ngân: 100%; Lô 5: Tiền Giang Đã giải ngân: 100%;	1 hệ thống. Lô 3: Lào Cai: Hợp đồng số 002 / LCASP-06, ngày 09 tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 09 tháng 11 năm 2018; Gia hạn trước: 31/1/2019 21 hệ thống. Lô 4: Sóc Trăng: Hợp đồng số 04 / ST / HĐ / LCASP, ngày 06 tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 06 tháng 11 năm 2018; Gia hạn trước: 31/3/2019 1 hệ thống. Lô 5: Tiền Giang: Hợp đồng số 16 / HDD2017, ngày 07 tháng 11 năm 2017; Ngày hoàn thành ngày 07 tháng 11 năm 2018; Gia hạn trước: 31/12/2018 2 hệ thống.  25 hệ thống máy phát điện đã được lắp đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
37	Sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón cho cây trồng	Sóc Trăng và Bình Định	Chi phí: 4.124 Lô 1: Bình Định: Giá trị hợp đồng: 1.993  Lô 2: Sóc Trăng: Giá trị hợp đồng: 2.131	Lô 1: Bình Định: Đã giải ngân: 80%; Hợp đồng được chấp nhận. Nhà thầu đang hoàn thiện các tài liệu yêu cầu thanh toán lần cuối. Lô 2: Sóc Trăng: Đã giải ngân: 80%; Hợp đồng được chấp nhận. Nhà thầu đang hoàn thiện các tài liệu yêu cầu thanh toán lần cuối.	Lô 1: Bình Định: Hợp đồng số 0,03 / NgàyKT-LCASP-04, ngày 28 tháng 2 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 28 tháng 2 năm 2019. Gia hạn trước: 31/5/2019 71 hộ Lô 2: Sóc Trăng: Hợp đồng số 5 / ST / HD-LCASP, ngày 24 tháng 2 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 24 tháng 2 năm 2019; Gia hạn trước: 31/5/2019 25 hộ  96 hộ gia đình đã được lắp đặt hệ thống tưới tiêu đang hoạt động tốt.
38	Sử dụng phân bò làm nguyên liệu nuôi giun quế	Sóc Trăng	334	Hợp đồng được chấp nhận. Nhà thầu đang hoàn thiện các tài liệu yêu cầu thanh toán lần cuối.	Hợp đồng số 01/2018 / HĐĐVKH-ITED ngày 31 tháng 5 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 31 tháng 5 năm 2019  4 hộ gia đình đã được chuyển giao công nghệ nuôi giun bằng phân bò và đang hoạt động tốt.
44	Mô hình cung cấp hệ thống xử lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông	Bắc Giang	1,965	Đã giải ngân: 100%;	Hợp đồng số 003 / HĐKT-LCASP-04, ngày 28 tháng 2 năm 2018; Ngày hoàn thành ngày 28 tháng 2 năm 2019.

Gói thầu số	Tên gói thầu	Tên tỉnh	Trị giá (triệu VND)	Giải ngân (triệu VND)	Tình hình đấu thầu/thực hiện
	qua ứng dụng công nghệ tách phân làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ, sử dụng triệt để khí biogas để vận hành máy phát điện và xử lý nước thải sau biogas để tưới cho cây trồng tại Bắc Giang				1 hệ thống đã được cài đặt và chuyển giao cho nông dân và đang hoạt động tốt
45	Mô hình sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón cho cây trồng tại Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2,059	Thanh toán tạm ứng: 40%	Hợp đồng số 587/2019 / HĐHH / LCASP / MHTD45, ngày 17 tháng 6 năm 2019; Ngày hoàn thành 17 tháng 7 năm 2019.  Hoàn toàn cài đặt, đang kiểm tra kỹ thuật để đưa vào sử dụng.
47	Mô hình sử dụng công nghệ máy phát điện khí sinh học quy mô trang trại tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	1,988	Đã giải ngân 70%. Hợp đồng được chấp nhận và thanh lý. PPMU đang hoàn thiện các tài liệu cho phần còn lại của việc giải ngân.	Hợp đồng số 19 / HĐKT, ngày 14 tháng 5 năm 2019; Ngày hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2019; Gia hạn trước: 23/8/2019  2 hệ thống máy phát điện đã được cài đặt và chuyển giao cho 2 nông dân và cả hai đều hoạt động tốt.
48	Mô hình sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón hữu cơ cho cây trồng tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	1,980	Đã giải ngân 70%. Hợp đồng được chấp nhận và thanh lý. PPMU đang hoàn thiện các tài liệu cho phần còn lại của việc giải ngân.	Hợp đồng số 20 / HĐKT, ngày 14 tháng 5 năm 2019; Ngày hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2019; Gia hạn trước: 23/8/2019  1 hệ thống máy phát điện và 1 hệ thống tưới tiêu đã được lắp đặt và chuyển giao cho nông dân và cả hai đều hoạt động tốt.

<b>Gói thầu số</b>	<b>Tên gói thầu</b>	<b>Tên tỉnh</b>	<b>Trị giá (triệu VND)</b>	<b>Giải ngân (triệu VND)</b>	<b>Tình hình đấu thầu/thực hiện</b>
49	Mô hình sử dụng phân lợn làm nguyên liệu để nuôi trùn quế tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	1,972	Đã giải ngân 63%. Hợp đồng được chấp nhận và thanh lý. PPMU đang hoàn thiện các tài liệu cho phần còn lại của việc giải ngân.	Hợp đồng số 21 / HĐKT, ngày 15 tháng năm 2019; Ngày hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2019; Gia hạn trước: 23/8/2019  01 hộ gia đình đã được chuyển giao công nghệ nuôi giun đất bằng phân lợn sau khi tách và đang hoạt động rất tốt

**Tập huấn về CSAWMP**  
(tính đến 31 August 2019)

TT	Tỉnh	Số người được đào tạo về CSAWMP			
		Nông dân		Cán bộ khuyến nông	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
0	CPMU			274	82
1	Lao Cai	945	380	39	16
2	Son La	748	526	212	77
3	Phu Tho	3,641	1,947	305	165
4	Bac Giang	3,630	2,054	67	31
5	Nam Dinh	4,576	2,204	100	50
6	Ha Tinh	1,069	644	33	15
7	Binh Dinh	1,401	472	387	82
8	Tien Giang	2,754	1,176	0	0
9	Ben Tre	840	192	322	60
10	Soc Trang	2,731	1,260	0	0
<b>Tổng</b>		<b>22,335</b>	<b>10,855</b>	<b>1,739</b>	<b>578</b>
<b>Tỷ lệ %</b>			<b>48.6%</b>		<b>33.2%</b>

**Kế hoạch trao hợp đồng toàn dự án đối với dự án vốn vay ADB**

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu vốn ADB (VND mil.)	Lũy kế trao thầu đến 8/31/2019	2019				2020		Tỷ lệ %
				2019		2020				
				Sep	Q IV	Q I	Q II			
*	CPMU	271,219	263,085	340	5,777	1,625	392	97%		
1	Binh Dinh	58,829	54,432	1,020	1,008	1,597	772	93%		
2	Bac Giang	78,446	64,401	399	2,000	5,823	5,823	82%		
3	Ben Tre	33,806	28,319	1,907	2,485	0	1,095	84%		
4	Ha Tinh	39,563	31,466	970	5,900	0	1,227	80%		
5	Lao Cai	33,996	30,956	452	1,260	1,000	328	91%		
6	Nam Dinh	62,506	47,518	2,200	5,118	4,100	3,570	76%		
7	Phu Tho	73,565	67,852	1,903	3,064	0	746	92%		
8	Soc Trang	28,179	23,944	1,128	968	2,139	0	85%		
9	Son La	24,803	20,586	1,183	278	1,423	1,333	83%		
10	Tien Giang	27,859	26,048	271	285	1,124	131	93%		
11	VBARD	6,530	6,530	0	0	0	0	100%		
12	Co-opbank	18,276	18,276	0	0	0	0	100%		
<b>Tổng VND tr.</b>		<b>757,575</b>	<b>683,411</b>	<b>11,773</b>	<b>28,143</b>	<b>18,831</b>	<b>15,417</b>	90%		
<b>Tổng USD mil.</b>		<b>35.026</b>	<b>31.830</b>	<b>0.507</b>	<b>1.213</b>	<b>0.812</b>	<b>0.664</b>	90%		

**Kế hoạch giải ngân tổng thể đối với nguồn vốn ADB**

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu vốn ADB (VND mil.)	Lũy kế giải ngân đến 28/2/2019					Tỷ lệ %
				2019		2020		
				Sep	Q IV	Q I	Q II	
*	CPMU	271,219	149,229	17,832	73,534	30,096	528	55%
1	Binh Dinh	58,829	50,753	4,579	1,128	1,597	772	86%
2	Bac Giang	78,446	57,415	6,806	579	0	13,646	73%
3	Ben Tre	33,806	28,319	812	3,580	0	1,095	84%
4	Ha Tinh	39,563	31,466	970	5,900	0	1,227	80%
5	Lao Cai	33,996	27,032	3,318	2,318	1,000	328	80%
6	Nam Dinh	62,506	47,518	2,200	5,118	4,100	3,570	76%
7	Phu Tho	73,565	65,852	1,903	5,064	0	746	90%
8	Soc Trang	28,179	20,274	4,415	1,351	2,139	0	72%
9	Son La	24,803	20,581	1,281	181	1,427	1,333	83%
10	Tien Giang	27,859	22,307	3,187	565	1,118	682	80%
11	VBARD	6,530	6,530	0	0	0	0	100%
12	Co-opbank	18,276	18,276	0	0	0	0	100%
<b>Tổng VND tr.</b>		<b>757,576</b>	<b>545,551</b>	<b>47,303</b>	<b>99,318</b>	<b>41,477</b>	<b>23,927</b>	<b>72%</b>
<b>Tổng USD mil.</b>		<b>35.026</b>	<b>25.888</b>	<b>2.039</b>	<b>4.280</b>	<b>1.788</b>	<b>1.031</b>	<b>72%</b>

## Vốn đối ứng và kế hoạch giải ngân tổng thể

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu Vốn đối ứng (VND mil.)	Lũy kế giải ngân đến 31/12/2018										Tỷ lệ giải ngân %
				2019			2020				2021		
				Jan-Aug	Sep	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	
*	CPMU	32,525	20,470	2,850	1,230	2,920	1,735	1,320	1,000	1,000			63%
1	Binh Dinh	6,005	3,257	590	200	410	450	450	348	300			54%
2	Bac Giang	4,855	2,555	616	64	221	349	350	350	350			53%
3	Ben Tre	3,168	1,488	30	220	545	0	485	100	100	100	100	47%
4	Ha Tinh	8,475	4,649	390	500	1,000	500	500	500	436			55%
5	Lao Cai	3,841	2,614	256	135	136	250	250	100	100			68%
6	Nam Dinh	5,129	3,129	500	250	250	250	250	250	250			61%
7	Phu Tho	5,157	3,057	200	100	200	200	300	200	200	350	350	59%
8	Soc Trang	3,939	2,389	288	65	117	270	270	270	270			61%
9	Son La	5,703	2,570	453	315	315	300	300	275	275	450	450	45%
10	Tien Giang	2,850	1,486	204	140	139	220	220	220	221			52%
11	VBARD	1,152	1,152	0	0	0	0	0	0	0			100%
12	Co-opbank	3,225	3,225	0	0	0	0	0	0	0			100%
<b>Tổng VND</b>		<b>86,024</b>	<b>52,041</b>	<b>6,377</b>	<b>3,219</b>	<b>6,253</b>	<b>4,524</b>	<b>4,695</b>	<b>3,613</b>	<b>3,502</b>	<b>900</b>	<b>900</b>	60%
<b>Tổng USD</b>		<b>3.952</b>	<b>2.487</b>	<b>0.275</b>	<b>0.139</b>	<b>0.269</b>	<b>0.195</b>	<b>0.202</b>	<b>0.156</b>	<b>0.151</b>	<b>0.039</b>	<b>0.039</b>	60%
<b>Tổng nhu cầu vốn đối ứng cho năm 2019</b>				<b>20,373</b>	<b>31%</b>								

**CAM KẾT CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN - THEO HIỆP ĐỊNH**

<b>STT</b>	<b>Chương</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>	<b>Loại</b>
1	Điều 4	(a) Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC thực hiện dự án với trách nhiệm và hiệu quả phù hợp với các ứng dụng phát triển, kinh doanh, tài chính, kỹ thuật có thể áp dụng.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
2	Điều 4	(b) Trong quá trình thực hiện dự án và vận hành các phương tiện của Dự án, Bên vay phải thực hiện hoặc buộc phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ được quy định trong Phụ lục 5 của Hiệp định vay này.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
3	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các thoả thuận chi tiết được quy định trong PAM. Bất kỳ thay đổi tiếp theo với PAM sẽ có hiệu lực chỉ sau khi phê duyệt thay đổi đó bằng Bên vay và ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa PAM và Hiệp định này cho vay, các quy định của Hiệp định vay này sẽ được áp dụng.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
4	Điều 3	Bên vay sẽ sử dụng số vốn vay để tài trợ cho các chi tiêu của dự án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định vay này và Hiệp định dự án.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
5	Điều 3	Bên vay sẽ ký kết Hiệp định vốn vay phụ với mỗi FI, cung cấp các khoản vay lại là một phần trong tiền vốn vay không vượt quá Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền rút vốn đặc biệt (SDR 23.239.000) tập hợp với tất cả FIs, việc thực hiện các hoạt động dự án của các FIs được mô tả chi tiết tại Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này, và quyền của bên Vay và ADB. Hiệp định vốn vay phụ sẽ bao gồm các điều khoản, điều kiện được ADB chấp thuận, và sẽ không ảnh hưởng, không giới hạn đến nghĩa vụ của Bên vay trong Hiệp định vay này.	<b>Đã tuân thủ.</b>	Tài chính
6	Điều 4	(a) Bên vay sẽ (i) duy trì các tài khoản riêng biệt và lưu trữ cho Dự án; (ii) chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo các nguyên tắc kế toán được ADB chấp nhận; (iii) các báo cáo tài chính này được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập có trình độ, kinh nghiệm và các điều khoản tham chiếu được ADB chấp thuận, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm toán trong và ngoài nước được ADB chấp thuận; (iv) như là một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên chuẩn bị báo cáo (bao gồm cả các ý kiến của các kiểm toán viên về việc sử dụng vốn vay và tuân thủ các thủ tục của tài khoản tạm ứng và bản sao kê chi tiêu) và thư quản lý (đưa ra các thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ của dự án đã được xác định trong quá trình kiểm toán nếu có.); và (v) cung cấp cho ADB không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính các bản sao sao kê tài chính đã kiểm toán, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, tất cả đều bằng tiếng Anh, và các thông tin khác liên quan đến các tài liệu này và việc kiểm toán khi ADB yêu cầu một cách thích	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính



		hợp tại từng thời điểm.		
7	Điều 4	(b) ADB sẽ công bố Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo trên website của ADB.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
8	Điều 4	(c) Bên vay sẽ tạo điều kiện cho ADB, theo yêu cầu của ADB, thảo luận với các kiểm toán viên về các báo cáo tài chính và các vấn đề tài chính liên quan đến Dự án theo mục (a)(iii) và sẽ ủy quyền và yêu cầu bất cứ đại diện nào của các nhà kiểm toán này tham gia vào bất cứ cuộc thảo luận nào do ADB yêu cầu. Trừ khi Bên vay có thỏa thuận khác đi thì các cuộc thảo luận sẽ chỉ được tiến hành với sự có mặt của cán bộ có thẩm quyền của Bên vay.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
9	Chương 5	(a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, Bên vay phải nộp bằng chứng bằng văn bản thỏa đáng cho ADB cho thấy một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật (TSU) đã được thành lập dưới CPMU để thực hiện các hoạt động tư vấn của dự án đã được miêu tả trong PAM.	Đã tuân thủ.	Khác
10	Chương 5	(b) Minh chứng được chuyển giao theo khoản (a) nói trên sẽ bao gồm: (i) Cung cấp tên của các cán bộ hợp tác của các cơ quan nhà nước đã được miêu tả trong PAM cùng nhau tham gia vào TSU; và (ii) Cung cấp tên của người đứng đầu TSU, là người sẽ được xác định trong quá trình thực hiện dự án.	Đã tuân thủ.	Khác
11	Chương 5	(c) Bên vay phải đảm bảo hoặc buộc CPMU đảm bảo rằng không có số tiền nào được gửi vào tài khoản phụ của TSU trừ khi và cho đến khi Bên vay đã tuân thủ khoản (a) và (b) trên và điều khoản tham chiếu của mỗi thành viên trong TSU được ADB chấp thuận. Mỗi điều khoản tham chiếu sẽ phản ánh vai trò kỹ thuật và tư vấn của TSU và sẽ không bao gồm bất cứ hoạt động nào có liên quan đến quản lý hoặc thực hiện dự án mà chỉ được thực hiện bởi đơn vị thực hiện dự án và IAs.	Đã tuân thủ.	Khác
12	Chương 5	Bên vay có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi khoản vay phụ, trừ phi được đồng ý của ADB: (i) là bằng Đồng; (ii) có một khoảng thời gian ân hạn, và tỷ lệ lãi suất được xác định bởi Bên vay phù hợp với thực tiễn cho vay của Bên vay áp dụng đối với cho vay lại nguồn vốn bên ngoài được vay của Bên vay; và (iii) được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện khác do ADB chấp nhận.	Đã tuân thủ.	Tài chính
13	Điều 3	Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC cho vay lại nguồn vốn từ Vốn vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ theo Thỏa thuận cho vay lại, Phần 2 của đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này và phù hợp với các quy định của Hiệp định vay này.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính

14	Điều 4	Ngoài các báo cáo và thông tin được quy định tại mục 6,05 của Quy chế vay, Bên vay phải cung cấp, hoặc buộc phải cung cấp cho ADB tất cả các báo cáo và thông tin theo yêu cầu của ADB một cách hợp lý liên quan đến(a) bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và các khoản vay phụ; và (b) điều kiện quản lý, hoạt động và tài chính của mỗi ĐCTC.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
15	Điều 4	Bên vay phải tạo điều kiện cho các đại diện của ADB kiểm tra Dự án, Hàng hóa và Công trình, bất kỳ bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và bất kỳ sổ sách và tài liệu liên quan.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
16	Điều 3	Số vốn vay sẽ được phân bổ và rút vốn phù hợp với các quy định tại Phụ lục 3 của Hiệp định vay này, Phụ lục này có thể được sửa đổi theo thỏa thuận giữa bên Vay và ADB theo từng thời điểm.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
17	Chương 5	Đối với mỗi dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được tài trợ bởi một khoản vay phụ theo Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 trong Hiệp định vay này, Bên vay có trách nhiệm đôn đốc các ĐCTC liên quan để đảm bảo rằng: (i) khoản vay phụ chỉ được thực hiện cho những người hưởng lợi đủ điều kiện cho các tiểu dự án đủ điều kiện; (ii) Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc các nhà thầu tuân thủ với các tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường có liên quan được chỉ rõ trong Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ (iii) Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ được thêm vào các tiêu chí đủ điều kiện vốn vay tiêu chuẩn của các ĐCTC để đảm bảo các khách hàng mục tiêu của Dự án đạt được.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
18	Điều 3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, số tiền vốn vay phụ sẽ chỉ được sử dụng Khoản vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ cho Tiểu dự án hợp lệ và sẽ được áp dụng riêng cho chi phí về Hàng hóa, xây lắp và các khoản chi tiêu khác cần thiết để thực hiện từng Tiểu dự án hợp lệ.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
19	Điều 4	Bên vay phải hành động kịp thời các hoạt động bao gồm cung cấp kinh phí, cơ sở vật chất, dịch vụ và các nguồn lực khác cần thiết để tạo điều kiện cho các ĐCTC thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định dự án, và sẽ không thực hiện hoặc cho phép bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ đó.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
20	Chương 5	Đối với mỗi cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học vừa và lớn được tài trợ bởi một khoản vay phụ trong phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định này, bên vay sẽ ưu tiên xây dựng công trình trong một CLZ.	<b>Đã tuân thủ.</b>	Khác
21	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) các ĐCTC cùng nhau cung cấp tài chính vốn đối ứng với một số tiền không ít hơn \$ 6.300.000 gắn với tài trợ cho các hoạt động dự án được mô tả trong Phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này; (ii) mỗi khoản vay phụ có mức lãi suất theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và ĐCTC liên quan trong Hiệp định vốn vay phụ liên quan, (iii) tỷ lệ cho lãi suất cho mỗi khoản vay phụ được xác định dựa trên lãi suất và nhu cầu thị trường, và (iv) mỗi khoản vay phụ có các điều khoản, điều kiện khác cũng như các ĐCTC liên quan có thể có các khoản vay thêm cho khách hàng theo thời gian trong các hoạt động kinh doanh thông	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính

		thường. Trong khi xác định lãi suất áp dụng và các điều khoản và điều kiện cho một khoản vay phụ, bên vay và các ĐCTC sẽ xem xét, và do đó đảm bảo rằng những người hưởng lợi có thể truy cập các nguồn tài chính chấp nhận được để xây dựng các công trình khí sinh học và bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không chỉnh sửa, miễn trừ, bổ sung hoặc các sửa đổi khác được thực hiện với các điều khoản và điều kiện của bất kỳ khoản vay phụ nào đó mà có thể gây nguy hiểm cho nguyên tắc này.		
22	Điều 3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, Bên vay sẽ thực hiện việc mua sắm, buộc phải thực hiện các khoản chi tiêu được tài trợ bằng tiền của khoản vay phù hợp với các điều khoản nêu tại Phụ lục 4 của Hiệp định vay này.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
23	Điều 4	(a) Bên vay sẽ thực hiện các quyền của mình theo các Thỏa thuận vốn vay bổ sung để bảo vệ lợi ích của Bên vay và ADB và để thực hiện được mục đích của Khoản vay.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
24	Điều 4	(b) Quyền hoặc nghĩa vụ theo các hiệp định vay phụ sẽ không được chỉ định, sửa đổi, bãi bỏ hoặc hủy bỏ mà không có sự nhất trí trước đó của ADB.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
25	Điều 3	Các lần rút vốn từ Tài khoản vay cho mua sắm Hàng hóa, xây lắp và Dịch vụ tư vấn sẽ chỉ được thực hiện cho các khoản chi tiêu có liên quan tới:		Khác
		(a) Xây lắp được thực hiện tại và cung cấp từ/và Dịch vụ tư vấn và xây lắp, được cung cấp từ các nước thành viên của ADB do ADB quy định cụ thể theo từng thời điểm được coi là nguồn mua sắm hợp lệ, và	<b>Đang tuân thủ.</b>	
		(b) Các dịch vụ Hàng hóa, Xây lắp và tư vấn đáp ứng các yêu cầu hợp lệ khác sẽ do ADB quy định cụ thể tại từng thời điểm.	<b>Đang tuân thủ.</b>	
26	Chương 5	Bên vay sẽ phân bổ một nguồn quỹ cho những người hưởng lợi đủ điều kiện như là một khuyến khích tài chính để thực hiện các tiểu dự án hợp lệ và hỗ trợ phát triển thị trường các bon. Các khoản kinh phí phân bổ sẽ được thực hiện đúng theo PAM.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
27	Chương 5	Trong khía cạnh của một tiểu dự án khả thi, bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng kinh phí phân bổ không được chuyển vào tài khoản của người hưởng lợi có đủ điều kiện liên quan cho đến khi PPMU phối hợp với tiểu dự án khả thi đã xác nhận với ĐCTC liên quan và ADB theo đó điều tra nợ và thanh tra vật chất và sự chứng nhận theo yêu cầu của đoạn 4 (ii) ở trên, mà tiểu dự án đủ điều kiện như vậy và sự xác nhận đã tuân thủ tất cả các yêu cầu kỹ thuật, xây dựng, môi trường và các yêu cầu khác và biện pháp bảo vệ thiết lập trong Tiêu chuẩn điều kiện của tiểu dự án.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
28	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng các tiêu chí Tiểu dự án đủ điều kiện không được sửa đổi, bổ sung, miễn, hoãn lại hoặc nếu không sửa đổi trong bất kỳ cách nào mà không có sự đồng ý trước của ADB.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
29	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng danh mục đầu tư của các khoản vay phụ được hạch toán và báo cáo một cách riêng biệt bởi các ĐCTC theo mẫu và ở tần số nhất định và có thể được yêu cầu	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính
30	Chương 5	Bên vay ngay lập tức thông báo cho ADB bất cứ lúc nào nếu nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng: (A) tỷ lệ phần trăm vốn vay phụ không hoạt động được tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 5% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó, và (B) tỷ lệ phần trăm của các khoản vay phụ không hoạt động tài trợ bởi ĐCTC đó có	<b>Đang tuân thủ.</b>	Tài chính

		khả năng vượt quá 10% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó ("Giới hạn NPL"). Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào mà nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng giới hạn NPL đã bị vượt quá, cho đến khi có thông báo mới của ADB, Bên vay sẽ ngay lập tức chấm dứt xử lý bất kỳ hoạt động rút tiền nào tại thời điểm đó hoặc đang diễn ra ở ĐCTC đó và sẽ tạm thời đình chỉ tất cả các quá trình giải ngân trong hiệp định vốn vay phụ ở ĐCTC đó.		
31	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có các tiểu dự án liên quan đến bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, môi trường hay tác động đến người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số mà có thể được phân loại như Thể loại A, trong nội dung của Báo cáo chính sách an toàn.	<b>Đang tuân thủ.</b>	An toàn
32	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) Dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện trong nghĩa của Báo cáo chính sách an toàn, và (ii) các khu vực được lựa chọn cho bất kỳ tiểu dự án sẽ được nằm trên đất đã thuộc sở hữu của những người hưởng lợi đủ điều kiện do đó đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ không đòi hỏi bất kỳ việc thu hồi đất nào. Trong trường hợp dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, bên vay phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng dự án phù hợp với các luật và quy định của Bên vay và với Báo cáo chính sách an toàn.	<b>Đang tuân thủ.</b>	An toàn
33	Chương 5	Bên vay phải bảo đảm hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, xây dựng, thực hiện, hoạt động và không sử dụng của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện và các cơ sở dự án tất cả được thực hiện theo quy định: (i) tất cả các luật và quy định của Bên vay liên quan đến sức khỏe, môi trường, và an toàn; (ii) bảo vệ môi trường, (iii) EARF, và (iv) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong IEE và EMP tương ứng, và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa nào được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	<b>Đang tuân thủ.</b>	An toàn
34	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, thực hiện, xây dựng và hoạt động của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện phù hợp với (i) tất cả các luật và quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) biện pháp bảo vệ người bản địa, và (iii) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EMDP và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	<b>Đang tuân thủ.</b>	An toàn
35	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng các EMDP chuẩn bị cho dự án và được đồng ý với ADB được cập nhật và thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này.	<b>Đang tuân thủ.</b>	An toàn
36	Chương 5	17. Bên vay phải làm hoặc chỉ đạo các ĐCTC làm như sau:		An toàn
		(a) trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ nửa năm cho ADB;	<b>Đang tuân thủ.</b>	
		(b) nếu bất kỳ tác động và rủi ro xã hội hoặc môi trường bất ngờ nào phát sinh trong quá trình thực hiện tiểu dự án đủ điều kiện thì phải kịp thời thông báo cho ADB sự xuất hiện của những rủi ro hoặc tác động đó, với mô tả chi tiết các sự kiện và đề xuất kế hoạch hành động khắc phục;	<b>Đang tuân thủ.</b>	

		(c) báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EARF và bất kỳ EMP hoặc EMDP sau khi nhận thức được hành vi vi phạm.	<b>Đang tuân thủ.</b>	
37	Chương 5	Bên vay phải chỉ đạo Cơ quan chủ quản dự án để đảm bảo rằng: (i) các hợp đồng cho các công việc liên quan có quy định cấm sử dụng lao động trẻ em và sự khác biệt về tiền lương giữa lao động nam và nữ cho công việc có giá trị như nhau, theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của Bên vay; (ii) hợp đồng này cũng bao gồm các quy định bắt buộc về y tế, vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc thích hợp, và (iii) các nhà thầu và công nhân của họ quan sát các giao thức địa phương liên quan đến hành vi chấp nhận được đối với người dân địa phương.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Xã hội
38	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng kế hoạch hành động về giới chuẩn bị cho dự án và được đồng ý từ ADB, được thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này. Kế hoạch hành động về giới cho dự án đảm bảo rằng: (i) ít nhất 20% những người được đào tạo các vấn đề về quản lý khí sinh học và kỹ thuật là phụ nữ, (ii) ít nhất 20% những người được đào tạo và cấp giấy chứng nhận thợ xây dựng các công trình khí sinh học cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% trong số họ tìm được việc làm (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về việc sử dụng công nghệ khí sinh học, vận hành và bảo dưỡng là phụ nữ, (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải là phụ nữ (v) ít nhất 30% công nhân được đào tạo về công trình khí sinh học cỡ vừa và lớn là phụ nữ, (vi) ít nhất 50% những người nhận khoản vay phụ từ các ĐCTC sẽ đăng ký đứng tên cả vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng tên, (vii) ít nhất 50% những bản đăng ký chính thức mua sắm các hạng mục liên quan đến công trình khí sinh học thuộc dự án sẽ đứng tên cả vợ và chồng hoặc đứng tên người phụ nữ, (viii) 30% các đề tài nghiên cứu được thực hiện dưới phần 3, đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định vay này liên quan đến vấn đề giới kết hợp với công trình khí sinh học, (ix) ít nhất 40% trong số được chọn là những người giỏi nhất trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) các tài liệu tập huấn về công nghệ và phương pháp phổ biến CSAWMP sẽ ưu tiên về giới và ít nhất 50% các sự kiện phổ biến và tham khảo ý kiến sẽ liên quan đến các nhóm chỉ có phụ nữ, (xi) một cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số và phân biệt giới được thành lập như là một phần của việc thực hiện dự án và hệ thống giám sát được thiết lập bởi CPMU; (xii) 30% nhân viên của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và mỗi PPMU có một điểm đầu mối về giới; và (xiii) chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát và đánh giá tổng thể của dự án.	(i) <b>Đang tuân thủ.</b> (ii) <b>Tuân thủ một phần</b> (iii) <b>Đang tuân thủ.</b> (iv) <b>Tuân thủ một phần</b> (v) <b>Tuân thủ một phần</b> (vi) <b>Đã tuân thủ.</b> (vii) <b>Đã tuân thủ.</b> (viii) <b>Đã tuân thủ.</b> (ix) <b>Tuân thủ một phần</b> (x) <b>Tuân thủ một phần</b> (xi) <b>Đã tuân thủ.</b> (xii) <b>Đã tuân thủ.</b> (xiii) <b>Đã tuân thủ.</b>	Xã hội
39	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng trong tất cả các tỉnh dự án, phổ biến thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông đại chúng được thực hiện một cách kịp thời để thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng và sử dụng công nghệ biogas.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Xã hội
40	Chương 5	21. Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có tiền của khoản vay nào được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào bao gồm cả trong danh sách bị cấm hoạt động đầu tư quy định tại Phụ lục 5 của Báo cáo chính sách an toàn.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác

41	Chương 5	Bên vay phải thực hiện theo quy định và đôn đốc các Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân thủ các chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi đến nay). Bên vay: (i) thừa nhận rằng ADB bảo vệ quyền điều tra trực tiếp, hoặc thông qua các văn phòng, bất kỳ bị cáo buộc tham nhũng, gian lận, thực hành cấu kết liên quan đến dự án, và (ii) đồng ý hợp tác với, và đôn đốc Cơ quan chủ quản, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC hợp tác đầy đủ với các cuộc điều tra và mở rộng tới các hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc cung cấp quyền truy cập vào tất cả các sách và các hồ sơ có liên quan, có thể cần thiết để hoàn thành thỏa đáng điều tra đó và sẽ cho phép, và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC để cho phép, ADB để điều tra hành vi vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng của các chủ trương.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
42	Chương 5	Không giới hạn tính tổng quát của các khoản trên, Bên vay phải: (i) đảm bảo rằng Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA tiến hành kiểm tra định kỳ về hoạt động của nhà thầu liên quan đến rút tiền tài trợ và các khu định cư, và (ii) đảm bảo và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA để đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng tài trợ của ADB trong kết nối với dự án bao gồm các điều khoản quy định cụ thể quyền của ADB để kiểm toán và kiểm tra các hồ sơ và tài khoản của các nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, và các nhà cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến dự án.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
43	Chương 5	Nếu Bên vay hoặc ADB là hoặc nhận thức hoặc có một sự nghi ngờ hợp lý rằng bất kỳ thành viên nào của Cơ quan chủ quản Dự án, TSU, bất kỳ IA hoặc ĐCTC đã tham gia thực hiện tham nhũng hoặc gian lận (như được định nghĩa trong chính sách chống tham nhũng của ADB (1998 như sửa đổi cho đến nay)) dưới hoặc trong kết nối với dự án hoặc vốn vay, Bên vay sẽ có những hành động kịp thời và thỏa đáng cho ADB để điều tra và / hoặc khắc phục tình hình, kể cả trong trường hợp hành vi tham nhũng hoặc gian lận của một ĐCTC, yêu cầu trả nợ ngay lập tức hoặc nếu không phục hồi bất kỳ phần nào của các khoản vay phụ liên quan, trả nợ, phục hồi được thanh toán kịp thời với ADB để trả lại vốn vay. Nếu Bên vay không thực hiện hành động điều tra và / hoặc khắc phục hậu quả sự hài lòng của ADB, ADB có thể tuyên bố các ĐCTC có liên quan không đủ điều kiện, vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định, được xem xét như là một nhà cung cấp tài chính trung gian hoặc bất kỳ công cụ tài chính nào khác cho các dự án tương lai của ADB.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
44	Chương 5	Ngoài các yêu cầu này, để ngăn chặn tham nhũng và tăng tính minh bạch, Bên vay có trách nhiệm tạo một trang web dự án trong vòng 5 tháng kể từ ngày có hiệu lực, có thể truy cập bởi công chúng, để đưa những thông tin khác nhau liên quan đến dự án bao gồm thông tin chung về dự án, mua sắm công liên quan đến dự án, tiến độ dự án và các chi tiết liên lạc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trang web cũng sẽ cung cấp một liên kết đến ADB's Integrity Unit ( <a href="http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp">http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp</a> ) để báo cáo bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tham nhũng phát sinh từ các hoạt động của dự án. Mỗi hợp đồng, trang web bao gồm các thông tin, danh sách nhà thầu tham gia, tên của đơn vị trúng thầu, chi tiết cơ bản về thủ tục đấu thầu thông qua, số lượng hợp đồng trao giải thưởng, và danh sách hàng hoá / dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, mua sắm. Bên vay phải đôn đốc Cơ quan Chủ quản Dự án để cho phép	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác

		bất kỳ nhà thầu nào yêu cầu giải thích lý do tại sao không thành công và hoặc Cơ quan Chủ quản Dự án phải trả lời trong vòng 20 ngày làm việc. Trang web này sẽ được cập nhật kịp thời và thường xuyên sau mỗi hợp đồng được trao thầu (i) mỗi giải thưởng của hợp đồng, (ii) nộp Báo cáo giám sát môi trường hàng năm cho ADB. Ngoài việc đưa trên web, các bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ, được cung cấp bởi Bên vay với thông tin chi tiết về mua sắm trên các bảng thông báo công khai trong các vùng tương ứng đó.		
45	Chương 5	Bên vay có trách nhiệm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Cơ quan Chủ quản Dự án, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân theo: (i) chính sách của ADB liên quan đến Tăng cường Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á trong việc chống rửa tiền và tài trợ của khủng bố (2003); và (ii) pháp luật và quy định của Bên vay về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và vốn vay không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, trong hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
46	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo rằng mỗi ĐCTC lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ, bao gồm cả thủ tục thẩm định khách hàng, để ngăn chặn hành vi vi phạm trên đoạn 26.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác
47	Chương 5	Bên vay phải đảm bảo mỗi ĐCTC kịp thời thông báo cho Bên vay và ADB nếu có bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng trên đoạn 26. Trong trường hợp mà ADB thông báo một ĐCTC quan ngại của mình rằng đã có một hành động bị cáo buộc là vi phạm như vậy, thì ĐCTC có trách nhiệm: (i) hợp tác trung thực cao với ADB và các đại diện của ADB để ADB có thể xác định hành vi vi phạm như vậy đã xảy ra, (ii) đáp ứng kịp thời và chi tiết hợp lý cho bất kỳ truy vấn từ ADB, và (iii) cung cấp hỗ trợ tài liệu để đáp ứng theo yêu cầu của ADB.	<b>Đang tuân thủ.</b>	Khác

**Cập nhật kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số**

(Tính đến ngày 1 tháng 9/2019)

<b>Hoạt động đầu tư</b>	<b>Mục tiêu đến cuối dự án</b>	<b>Các bên liên quan</b>	<b>Tiến độ (khối lượng công việc dồn tích tính đến 30/8/2019)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Quản lý chất thải chăn nuôi</b>				
<b>Sự quản lý và tính bền vững chuỗi giá trị hầm khí sinh học</b>				
Sắp xếp để có thể chia sẻ lợi ích chuỗi giá trị hầm khí sinh học (BP) từ chủ sở hữu BP cho dân tộc thiểu số (EM)	100% chủ sở hữu BP thuộc EM tham gia được chia sẻ về lợi ích chuỗi giá trị khí sinh học thông qua các hoạt động truyền thông khác nhau.	CPMU, PPMU phối hợp chặt chẽ với các tổ chức có liên quan và các nhóm dân tộc thiểu số	Dự án đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông khác nhau để phổ biến thông tin về dự án, bao gồm các đề xuất chia sẻ lợi ích của Chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) (phân bón năng lượng và hữu cơ) từ các chủ sở hữu BP.	<b>Chưa đạt được</b> Trong số 6.076, chỉ có 4.380 chủ sở hữu BP thuộc EM tham gia được chia sẻ về lợi ích chuỗi giá trị khí sinh học, chiếm <b>72%</b>
Xây dựng hầm khí sinh học quy mô nhỏ (small biogas plant-SBP) cho EM	Đến cuối dự án, số lượng SBP cho các EM tham gia tại các tỉnh mẫu (Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Bình Định, Sóc Trăng) chiếm 5% tổng số SBP.		<b>Tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2019:</b> Xét 6 tỉnh chỉ có EM, có <b>38.568</b> công trình khí học nhỏ được xây dựng, trong đó <b>6.076</b> cho các hộ dân tộc thiểu số (chiếm <b>16%</b> ở 06 tỉnh được chọn). Tại 10 tỉnh, Dự án đã xây dựng <b>59.257</b> công trình khí sinh học nhỏ, bao gồm <b>6.076</b> hầm khí cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số (chiếm <b>10,1%</b> tổng số công trình khí sinh học nhỏ tại 10 tỉnh dự án (Bến Tre có 01 hộ dân tộc)).	<b>Đã đạt được</b>
Giám sát quản lý chuỗi giá trị BP thuộc EM	100% SBP cho EM được cung cấp kỹ thuật hỗ trợ và theo dõi		<b>Tính đến ngày 30/8/2019, tất cả 6.076 SBP tại 6 tỉnh có DTTS đang nhận được sự giám sát và hỗ trợ kỹ thuật từ dự án về mặt quản lý của BVC.</b>	<b>Đã đạt được</b>



	bởi PPMUs và/hoặc CPMU.																			
Lập bản đồ thống kê EM ở các tỉnh mẫu, tình hình sinh kế của họ và các liên kết tiềm năng đến chuỗi giá trị BP.	Đến cuối dự án, Bản đồ thống kê EM ở các tỉnh mẫu (Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Bình Định, Sóc Trăng), sinh kế và các liên kết tiềm năng của các tỉnh với các chuỗi giá trị BP được thiết lập và cập nhật định kỳ.		<p>Đến hết ngày 1 tháng 2019 cơ sở dữ liệu cho các BP theo Gói 13, với dữ liệu riêng biệt cho các dân tộc thiểu số, đã được triển khai và cập nhật với 44.006 hàm khí sinh học của toàn bộ dự án. Trong đó 25.918 BP đến từ 6 tỉnh có EM:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Các tỉnh</th> <th>Số dân tộc đồng bào thiểu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>2,192</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>2,231</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>8,899</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>4,643</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>5,283</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>2,670</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>25,918</b></td> </tr> </tbody> </table>	Các tỉnh	Số dân tộc đồng bào thiểu số	Lào Cai	2,192	Sơn La	2,231	Phú Thọ	8,899	Bắc Giang	4,643	Bình Định	5,283	Sóc Trăng	2,670	<b>Tổng</b>	<b>25,918</b>	
Các tỉnh	Số dân tộc đồng bào thiểu số																			
Lào Cai	2,192																			
Sơn La	2,231																			
Phú Thọ	8,899																			
Bắc Giang	4,643																			
Bình Định	5,283																			
Sóc Trăng	2,670																			
<b>Tổng</b>	<b>25,918</b>																			
Đánh giá các nguồn lực và các ràng buộc cho các hộ DTTS để xây dựng các BP	Kết quả đánh giá các nguồn lực và các ràng buộc đối với các hộ DTTS để xây dựng các hàm khí sinh học được tiến hành và cập nhật		Đánh giá quá trình thực hiện được hoàn thiện đầu tiên thông qua tham vấn với các tỉnh vào tháng 11/2016. Đánh giá lần thứ hai vào tháng 5 năm 2017: LIC đã soạn thảo các mẫu đánh giá. CPMU đã gửi thư đến các tỉnh DTTS và nhận được phản hồi từ một số tỉnh. Đánh giá các nguồn lực và các ràng buộc đối với các hộ DTTS để xây dựng BP đã được LIC thực hiện trong khóa đào tạo về Giới và DTTS ở Thái Nguyên cho đội ngũ cán bộ của 4 tỉnh.	<b>Đã đạt được</b>																
Huấn luyện EM để quản lý chăn nuôi và chất thải	Các hộ gia đình DTTS có sử dụng SBP 100% được đào tạo về chuỗi giá trị khí sinh học bền vững bao gồm		Đánh giá các nguồn lực và các ràng buộc đối với các vùng DTTS để xây dựng BP đã được LIC thực hiện trong khóa đào tạo về Giới và EM ở Thái Nguyên cho đội ngũ cán bộ của 4 tỉnh.	<b>Đã đạt được</b>																

	quản lý vật nuôi và chất thải chăn nuôi			
Đánh giá thặng dư khí, điện, bùn sinh học cho EM	Đánh giá thường xuyên được tiến hành và cập nhật trong Báo cáo giám sát hàng năm về EMDP		Đang thực hiện	
Quản lý khí gas, điện	100% EM tham gia được đào tạo và hướng dẫn về quản lý khí, điện và phân hữu cơ		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , 6.075 hộ EM tham gia được đào tạo và hướng dẫn về quản lý khí sinh học, điện và phân hữu cơ	<b>Đã đạt được</b>
<b>Tiếp cận thị trường carbon</b>				
Đánh giá các khoản đầu tư theo định hướng dành cho EM có thể liên kết phát thải carbon	100% SBP cho EM được quản lý và đánh giá, hỗ trợ cho chương trình tín dụng carbon	CPMU, Chương trình khí sinh học quốc gia, Bộ NN & PTNT	<b>Tính đến 30/8/2019</b> , 5.072 / 6.075 SBP cho EM có thể tiếp cận công nghệ phát thải	<b>Chưa đạt được</b> (chiếm <b>83.5%</b> )
Đào tạo EM trên CSAWMP liên kết với thị trường carbon	Các hộ gia đình EM có sử dụng SBP 100% được đào tạo về CSAWMP liên kết với thị trường carbon		<b>Tính đến 30/8/2019</b> : 3.874 / 6.075 EM được đào tạo về CSAWMP liên kết với thị trường carbon	<b>Chưa đạt được</b> (chiếm 64%)
<b>Tạo điều kiện cho EM được tiếp cận các FI</b>				
Tạo điều kiện cho EM được tiếp cận các FI	10% hộ gia đình có quyền truy cập tín dụng là EMs	PPMU phối hợp chặt chẽ với các FI	<b>Tính đến 30/8/2019</b> , tổng số hộ được tiếp cận tín dụng là 457, trong đó có 92 hộ là DTTS, chiếm 20,1%.	<b>Đã đạt được</b>
Đánh giá các FI phù hợp để cho vay tín dụng cho các hộ DTTS	Các FI bổ sung được đánh giá là phù hợp để cung cấp tín dụng cho EM		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Ngân hàng chính sách xã hội đã được đề xuất như một FI bổ sung cho dự án tuy nhiên quá trình đàm phán chưa đạt được	<b>Chưa đạt được</b>
<b>Chuyển giao công nghệ</b>				

CSAWMP				
Đảm bảo các khu vực EM có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp	Một bản đồ về các khu vực EM có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp được thiết lập và cập nhật định kỳ hàng quý.	CPMU, PPMU phối hợp chặt chẽ với các tổ chức có liên quan và các nhóm EM	<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Bản đồ đã được thiết kế và hoàn thành theo Gói 19. Các khu vực EM có trong bản đồ khí hậu nông nghiệp đã được cập nhật định kỳ theo số liệu thống kê mới nhất	
Phổ biến kiến thức CSAWMP từ các thư viện điện tử để cải thiện kiến thức và kỹ năng EM.	Đến cuối dự án, một hệ thống thư viện điện tử được thành lập để cập nhật và phổ biến CSAWMP để cải thiện kiến thức và kỹ năng cho EM		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Gói 22 đã lắp đặt các thiết bị phần cứng để phát triển hệ thống thư viện điện tử (nhưng chưa được chấp nhận). Tư vấn (gói 23) đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao quyền quản trị và phần mềm cho Trung tâm Tin học và Thống kê. Do hệ thống thư viện điện tử chưa hoàn chỉnh, nên nó chưa được vận hành để cập nhật và phổ biến CSAWMP để cải thiện kiến thức và kỹ năng cho EM	
Đảm bảo phân hữu cơ được sử dụng trong khu vực EM	Các EM tham gia 100% đã trang bị một cách thức sản xuất phân bón hữu cơ từ bùn sinh học và sử dụng phân bón hữu cơ			
Phổ biến các kỹ năng và kiến thức CSAWMP cho các hộ EM, chủ sở hữu BP và nông dân khác trong khu vực EM.	10% nông dân được đào tạo về các kỹ năng và kiến thức về CSAWMP cho DTTS (EM)		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Dự án đã đào tạo cho 22.335 nông dân về CASWMP, bao gồm 3.688 là EM (16,5%)	<b>Đã đạt được</b>
Khuyến khích ít nhất 30% người tham gia chương trình thúc đẩy CSAWMP thuộc EM là phụ nữ.	Ít nhất 30% người tham gia chương trình thúc đẩy CSAWMP trong số các EM là phụ nữ.		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Dự án đã đào tạo về CASWMP, bao gồm <b>3.688</b> người thuộc EM (trong số <b>22.155</b> nông dân), trong đó có <b>1281</b> phụ nữ EM (chiếm 35%).	<b>Đã đạt được</b>
Đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông được đào tạo để giám sát và ghi lại	10% các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông được đào tạo để giám sát và ghi lại đúng tiến trình		<b>Tính đến 30/8/2019</b> , Dự án đã đào tạo cho <b>1.434</b> nhân viên khuyến nông ở 10 tỉnh dự án ( <b>318</b> cán bộ khuyến nông ở sáu tỉnh nhằm mục tiêu EM) để theo dõi và ghi chép đúng tiến trình CSAWMP, bao gồm	<b>Đã đạt được</b>

đúng tiến trình CSAWMP thuộc EMs.	CSAWMP là người DTTS		189 nhân viên EM (13%)	
<b>Quản lý dự án</b>				
Thiết lập các chỉ số để nhắm mục tiêu EMs trong tỉnh	Các chỉ số được cập nhật	CPMU, PPMU phối hợp chặt chẽ với các tổ chức có liên quan và các nhóm EM	Tư vấn về giới và dân tộc thiểu số sẽ thực hiện nhiệm vụ này.	
Đảm bảo cán bộ an toàn xã hội bao gồm hỗ trợ cho EM trong kế hoạch làm việc của mình	Đảm bảo cán bộ an toàn xã hội được bổ nhiệm hỗ trợ cho EM trong kế hoạch làm việc của họ		<p>(i) Chuyên gia về Giới và EM đã thực hiện một khóa đào tạo cho cán bộ đầu mối về giới và kỹ thuật viên về EM và lồng ghép giới và huy động người EM trong các hoạt động dự án vào tháng 6 năm 2017 tại Thái Nguyên.</p> <p>Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2017, 2 khóa học đã được tổ chức tại thành phố Cần Thơ và 1 khóa học tại thành phố Quy Nhơn về các vấn đề về Giới và EM. Các giảng viên đã hướng dẫn nhân viên bảo vệ các tỉnh có EM về cách chuẩn bị kế hoạch hàng quý và hàng năm để hỗ trợ người EM.</p> <p>(ii) Gửi EMDP đến tất cả các tỉnh</p> <p>(iii) Xem xét các hoạt động trong EMDP và cung cấp hướng dẫn cho các tỉnh</p> <p>(iv) Phát triển công cụ đánh giá để đánh giá các thách thức của EM trong việc tiếp cận các hầm khí sinh học và tín dụng</p> <p>6 tỉnh có EM đã gửi báo cáo tới CPMU và LIC về việc đánh giá việc thực hiện EMDP cũng như các kế hoạch tích hợp về giới và EM. Đầu ra của các kế hoạch đã được kết hợp trong các báo cáo giám sát nội bộ.</p>	

## BẢNG GIÁM SÁT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP) CẬP NHẬT

Dự án: vốn vay 2968-VIE: Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Carbon thấp

Ngày cập nhật: 16 September 2019

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
<b>1. Cơ sở hạ tầng quản lý chất thải chăn nuôi mở rộng</b>	1. <b>T1:</b> Ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ.	<p>• <b>Đang thực hiện/đã đạt được:</b>            Dự án đã thực hiện các khóa đào tạo cho nhân viên kỹ thuật, kỹ sư, nhà thầu về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật. Trong số 1.327 người tham gia, trong đó 304 người tham gia là nữ (22,9%).</p> <table border="1" data-bbox="779 608 1563 1107"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>756</td> <td>186</td> <td>24.6</td> </tr> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>27</td> <td>7</td> <td>25.9</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>75</td> <td>11</td> <td>14.7</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>127</td> <td>45</td> <td>35.4</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>43</td> <td>11</td> <td>25.6</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>70</td> <td>13</td> <td>18.6</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>56</td> <td>14</td> <td>25.0</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>53</td> <td>8</td> <td>12.9</td> </tr> <tr> <td>Tiên Giang</td> <td>25</td> <td>4</td> <td>16.0</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>22</td> <td>3</td> <td>13.6</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>73</td> <td>2</td> <td>2.7</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>1,327</b></td> <td><b>304</b></td> <td><b>22.9</b></td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Nữ	% phụ nữ	CPMU	756	186	24.6	Lào Cai	27	7	25.9	Sơn La	75	11	14.7	Phú Thọ	127	45	35.4	Bắc Giang	43	11	25.6	Nam Định	70	13	18.6	Hà Tĩnh	56	14	25.0	Bình Định	53	8	12.9	Tiên Giang	25	4	16.0	Bến Tre	22	3	13.6	Sóc Trăng	73	2	2.7	<b>Tổng</b>	<b>1,327</b>	<b>304</b>	<b>22.9</b>	
	Tổng	Nữ	% phụ nữ																																																				
CPMU	756	186	24.6																																																				
Lào Cai	27	7	25.9																																																				
Sơn La	75	11	14.7																																																				
Phú Thọ	127	45	35.4																																																				
Bắc Giang	43	11	25.6																																																				
Nam Định	70	13	18.6																																																				
Hà Tĩnh	56	14	25.0																																																				
Bình Định	53	8	12.9																																																				
Tiên Giang	25	4	16.0																																																				
Bến Tre	22	3	13.6																																																				
Sóc Trăng	73	2	2.7																																																				
<b>Tổng</b>	<b>1,327</b>	<b>304</b>	<b>22.9</b>																																																				

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																
	<p>2• T2. Ít nhất 50% số người dùng được đào tạo về sử dụng hầm KSH là phụ nữ</p>	<p>• <b>Đang thực hiện/ đã đạt được:</b>  Dự án đã thực hiện các khóa đào tạo tập trung và đào tạo tại nhà về sử dụng khí sinh học cho 113.156 người tham gia bao gồm 58.738 người tham gia nữ (51,9%)<sup>1</sup>.</p> <table border="1" data-bbox="775 411 1615 893"> <thead> <tr> <th>Tỉnh</th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% Phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>8,903</td> <td>4,693</td> <td>52.7</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>3,001</td> <td>1,069</td> <td>35.6</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>19,915</td> <td>10,945</td> <td>56</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>17,687</td> <td>8,737</td> <td>49.4</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>11,618</td> <td>6,422</td> <td>55.3</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>13,082</td> <td>8,189</td> <td>62.6</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>9,285</td> <td>4,327</td> <td>46.6</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>7,820</td> <td>5,394</td> <td>69</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>15,360</td> <td>6,523</td> <td>42.5</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>6,485</td> <td>2,439</td> <td>37.6</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>113,156</b></td> <td><b>58,738</b></td> <td><b>51.9</b></td> </tr> </tbody> </table>	Tỉnh	Tổng	Nữ	% Phụ nữ	Lào Cai	8,903	4,693	52.7	Sơn La	3,001	1,069	35.6	Phú Thọ	19,915	10,945	56	Bắc Giang	17,687	8,737	49.4	Nam Định	11,618	6,422	55.3	Hà Tĩnh	13,082	8,189	62.6	Bình Định	9,285	4,327	46.6	Tiền Giang	7,820	5,394	69	Bến Tre	15,360	6,523	42.5	Sóc Trăng	6,485	2,439	37.6	<b>Tổng</b>	<b>113,156</b>	<b>58,738</b>	<b>51.9</b>	
Tỉnh	Tổng	Nữ	% Phụ nữ																																																
Lào Cai	8,903	4,693	52.7																																																
Sơn La	3,001	1,069	35.6																																																
Phú Thọ	19,915	10,945	56																																																
Bắc Giang	17,687	8,737	49.4																																																
Nam Định	11,618	6,422	55.3																																																
Hà Tĩnh	13,082	8,189	62.6																																																
Bình Định	9,285	4,327	46.6																																																
Tiền Giang	7,820	5,394	69																																																
Bến Tre	15,360	6,523	42.5																																																
Sóc Trăng	6,485	2,439	37.6																																																
<b>Tổng</b>	<b>113,156</b>	<b>58,738</b>	<b>51.9</b>																																																

<sup>1</sup> Ông Lam Soan, bà Triệu Thị Kum Mang và bà Trịnh Thị Thu Vân (thôn Bồ Liên 2, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng), các hộ này được hỗ trợ 3 triệu VND để xây SBP và đã tham gia tập huấn sử dụng biogas và quản lý chất thải ở xã và tại nhà. Theo họ, trước khi xây dựng hầm KSH, môi trường khu vực này rất ô nhiễm, do phân bò trực tiếp thải vào kênh mương. Từ khi xây dựng hầm KSH, môi trường tốt lên rất nhiều và họ sử dụng gas để đun nấu và tiết kiệm được tiền mua khí đốt. Bà Kum Mang vay 9 triệu VND từ Ngân hàng CSXH và trả lãi suất 90.000 VND/tháng. Bà Lê Thị Yến, thôn Dương Quế, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, hộ gia đình được hỗ trợ 5 triệu để xây dựng SBP (hộ có nữ làm chủ), bà được đào tạo về sử dụng khí sinh học tại nhà trong quá trình lắp đặt nhà thầu SBP.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																
	<p>3• <b>T3.</b> Ít nhất 20% những người được đào tạo về xây dựng công trình khí sinh học (KSH) cỡ nhỏ là nữ <b>Được điều chỉnh thành 7% trong Đợt Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK)</b></p> <p>4• <b>T4.</b> Ít nhất 30% số người được đào tạo về MBP và LBP là nữ. <b>(Được điều chỉnh thành 15% trong đợt ĐGGK)</b></p>	<p>• <b>Đang thực hiện/đạt được một phần:</b> PPMU đã thực hiện các khóa đào tạo về xây dựng các nhà máy khí sinh học nhỏ với 440 người tham gia trong đó có 26 phụ nữ (6%).</p> <table border="1" data-bbox="777 384 1469 786"> <thead> <tr> <th>CPMU/ PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>49</td> <td>4</td> <td>8.2</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>29</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>70</td> <td>12</td> <td>17.1</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>19</td> <td>1</td> <td>5.3</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>126</td> <td>3</td> <td>2.4</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>28</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Tiên Giang</td> <td>34</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>28</td> <td>5</td> <td>17.9</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>57</td> <td>1</td> <td>1.8</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>440</b></td> <td><b>26</b></td> <td><b>6</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>• <b>Đang thực hiện/ không đạt được:</b> CPMU đã thực hiện các khóa đào tạo về xây dựng MBP và LBP cho 126 công nhân, trong đó có 3 phụ nữ (2,4%)</p>	CPMU/ PPMU	Tổng	Nữ	% phụ nữ	Lào Cai	49	4	8.2	Sơn La	29	-	0.0	Phú Thọ	70	12	17.1	Bắc Giang	19	1	5.3	Nam Định	-	-	0.0	Hà Tĩnh	126	3	2.4	Bình Định	28	-	0.0	Tiên Giang	34	-	0.0	Bến Tre	28	5	17.9	Sóc Trăng	57	1	1.8	<b>Tổng</b>	<b>440</b>	<b>26</b>	<b>6</b>	<p>Mason of BiAF Plants (BP) thường là những thợ xây chuyên nghiệp và khéo léo và được đào tạo thêm về HA, đây là một công việc đòi hỏi có tay nghề cao nhưng không phải là công việc toàn thời gian, vì vậy phụ nữ rất khó được đào tạo và trở thành thợ xây. Hà Tĩnh cần tách biệt những người tham gia khóa đào tạo về xây dựng SBP và MBP</p> <p>Số lượng các kỹ sư nữ và các đại diện của nhà thầu là ít, và do đó rất khó để đáp ứng mục tiêu đào tạo dự án với sự tham gia của phụ nữ</p>
CPMU/ PPMU	Tổng	Nữ	% phụ nữ																																																
Lào Cai	49	4	8.2																																																
Sơn La	29	-	0.0																																																
Phú Thọ	70	12	17.1																																																
Bắc Giang	19	1	5.3																																																
Nam Định	-	-	0.0																																																
Hà Tĩnh	126	3	2.4																																																
Bình Định	28	-	0.0																																																
Tiên Giang	34	-	0.0																																																
Bến Tre	28	5	17.9																																																
Sóc Trăng	57	1	1.8																																																
<b>Tổng</b>	<b>440</b>	<b>26</b>	<b>6</b>																																																

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																												
<p><b>2. Các khoản tín dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị KSH</b></p>	<p>5. <b>T5.</b> Ít nhất 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ.</p>	<p>• <b>Đang thực hiện/đã đạt được:</b>          Có 457 người nhận tín dụng và 100% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ hoặc chồng hoặc phụ nữ.</p> <table border="1" data-bbox="779 384 1563 639"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>127</td> <td>127</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>39</td> <td>39</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>202</td> <td>202</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>71</td> <td>71</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>18</td> <td>18</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>457</b></td> <td><b>457</b></td> <td><b>100</b></td> </tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	127	127	100	Phú Thọ	39	39	100	Bắc Giang	202	202	100	Bình Định	71	71	100	Tiền Giang	18	18	100	<b>Tổng</b>	<b>457</b>	<b>457</b>	<b>100</b>	<p>Các hộ gia đình phải có giấy tờ được ủy quyền từ vợ / chồng của họ và được Ủy ban nhân dân xã chứng nhận để đăng ký các tài khoản dưới tên của họ.</p>
PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																												
Lào Cai	127	127	100																												
Phú Thọ	39	39	100																												
Bắc Giang	202	202	100																												
Bình Định	71	71	100																												
Tiền Giang	18	18	100																												
<b>Tổng</b>	<b>457</b>	<b>457</b>	<b>100</b>																												
	<p>6• <b>T6.</b> Hỗ trợ đăng ký chính thức toàn bộ các công trình KSH được cung cấp trong dự án. Ít nhất 50% công trình sẽ được đăng ký dưới tên chung của vợ và chồng hoặc dưới tên phụ nữ</p>	<p>• <b>Đang thực hiện/đã đạt được:</b> Có 457 người nhận tín dụng và 100% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ hoặc chồng hoặc phụ nữ.</p> <table border="1" data-bbox="779 799 1563 1054"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>127</td> <td>127</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>39</td> <td>39</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>202</td> <td>202</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>71</td> <td>71</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>18</td> <td>18</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>457</b></td> <td><b>457</b></td> <td><b>100</b></td> </tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	127	127	100	Phú Thọ	39	39	100	Bắc Giang	202	202	100	Bình Định	71	71	100	Tiền Giang	18	18	100	<b>Tổng</b>	<b>457</b>	<b>457</b>	<b>100</b>	<p>.</p>
PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																												
Lào Cai	127	127	100																												
Phú Thọ	39	39	100																												
Bắc Giang	202	202	100																												
Bình Định	71	71	100																												
Tiền Giang	18	18	100																												
<b>Tổng</b>	<b>457</b>	<b>457</b>	<b>100</b>																												



Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
3. Tăng cường chuyển giao công nghệ CSAWMP	7. <b>A1.</b> Chiến lược nghiên cứu nhạy cảm về giới được chuẩn bị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được:</b> Chiến lược nghiên cứu chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu về CSAWMP đã được xây dựng vào năm 2015. Chiến lược nghiên cứu này phân tích các công nghệ hiện có về chất thải nông nghiệp và phụ phẩm để giảm ô nhiễm môi trường và tạo thu nhập cho nông dân ở 10 tỉnh dự án<sup>2</sup> và các mô hình thí điểm và mô hình trình diễn chuỗi giá trị cho chất thải nông nghiệp.<sup>3</sup></li> </ul>	
	8. <b>A2.</b> Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và cách thức tuyên truyền phải thân thiện với phụ nữ (tránh những định kiến về giới và sử dụng những hình ảnh minh họa thích hợp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được:</b> Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP sử dụng hình ảnh và các dẫn chứng thích hợp vì vậy phụ nữ có thể hiểu và áp dụng dễ dàng vào thực tế<sup>4</sup>.</li> </ul>	

2 Phần 3.2.1. Bánh nhiên liệu trâu và bếp đun cải tiến (trang 11)

3 Phần 5.1: Mô hình liên quan đến công nghệ khí sinh học: cần khắc phục các hạn chế trong xử lý môi trường và 5.4: Sử dụng máy nén phân bón để xử lý môi trường chăn nuôi và thu gom chất thải chăn nuôi để sản xuất phân hữu cơ sinh học (trang 18). Phỏng vấn Bà Nguyễn Thị Anh - Trưởng phòng chăn nuôi Thực Anh - xã Hà Thanh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Hộ gia đình chị tham gia gói thầu 32 về cung cấp hệ thống phân chuồng để xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ và dự án hỗ trợ hệ thống tưới tiêu tự động. Mô hình này đã tiết kiệm thời gian trong việc lấy nước và bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của gia đình và người lao động.

<sup>4</sup> Bà Lê Thị Chung - xã Y Sơn (huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ) đã tham dự 2 lớp tập huấn (sử dụng biogas và quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại) và Bà Vũ Thị Liên - xã Nghĩa Tân (huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) đã tham gia các lớp tập huấn về sử dụng biogas, họ nói rằng tài liệu đào tạo được tinh bày rất tốt và dễ hiểu.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
	<p>9• <b>T7.</b> Ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ (ví dụ như sự kiện sẽ được thực hiện thông qua các cuộc gặp gỡ của hiệp hội phụ nữ)</p> <p><b>Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</b></p>	<p><b>Đang thực hiện/chưa đạt được:</b></p> <p>Các cuộc họp và hội thảo phổ biến 911 đã được tổ chức bao gồm 112 cuộc họp và hội thảo dành cho nhóm chỉ dành cho phụ nữ (12,3%). Tổng số người tham gia là 35.319 người tham gia bao gồm 16.917 phụ nữ (47,9%).</p>	<p>Các PMU CPMU, Nam Định và Sóc Trăng cần cập nhật dữ liệu phân tách giới tính của những người tham gia đã tham gia vào các sự kiện phổ biến.</p>
	<p>10• <b>T8.</b> 30% các đề tài nghiên cứu (21 đề tài) liên quan đến vấn đề giới/các khía cạnh của công trình khí sinh học (KSH) như cải thiện bếp nấu ăn, cải thiện hệ thống sưởi ấm, đun nước nóng của hộ gia đình, công cụ chế biến nông sản sau thu hoạch/thiết bị sử dụng khí ga sinh học thân thiện với phụ nữ.</p>	<p><b>Đang thực hiện/gần đạt được</b></p> <p>Trong 7 nghiên cứu CSAWMP đã được trao (Gói 25-29 và 42-43), có 2 nghiên cứu liên quan đến vấn đề giới tính. (Gói 26 và gói 27): Những nghiên cứu này đã thiết kế các hoạt động liên quan đến vấn đề giới tính.</p> <p>Gói 27: kết quả của gói này sẽ giúp nông dân giảm chi phí đầu tư, giảm lượng nước trong chăn nuôi (bằng cách không rửa chuồng, tắm cho lợn) và tiết kiệm thời gian cho phụ nữ và nam giới trong việc làm sạch chuồng trại.<sup>5</sup></p> <p>Gói 26: kết quả của gói này sẽ giúp người dân địa phương sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi để tạo ra nguồn khí miễn phí cho nấu ăn, tránh phá rừng lấy củi và tiết kiệm thời gian cho phụ nữ và nam giới trong nấu ăn, bảo vệ môi trường và bảo đảm sức khỏe của phụ nữ và gia đình tốt hơn.</p>	

<sup>5</sup> Phỏng vấn ông Tô Hiền Thành (thôn Danh Thượng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), người tham gia Gói 26, ông nhận được sự hỗ trợ của dự án xây dựng chuồng trại từ tháng 6/2018. Bây giờ anh ta đang nuôi 80 con lợn trong chuồng mới, và anh tiết kiệm tiền từ việc thuê công nhân, vợ con để tiết kiệm thời gian trong việc dọn chuồng (4 giờ mỗi ngày).

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																
	<p>11• T9. Phụ nữ chiếm ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại. <i>(Chuyển từ Sản phẩm 1 sang Sản phẩm 3)</i></p>	<p>• <b>Đang thực hiện/ đã đạt được một phần:</b> Dự án đã thực hiện các khóa đào tạo về CSAWMP cho 22.335 nông dân bao gồm 10.855 phụ nữ (48,6%).</p> <table border="1" data-bbox="779 352 1592 791"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng số người tham dự</th> <th>Phụ nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>Lao Cai</td><td>945</td><td>380</td><td>40.21</td></tr> <tr><td>Son La</td><td>748</td><td>526</td><td>70.32</td></tr> <tr><td>Phu Tho</td><td>3,641</td><td>1,947</td><td>53.5</td></tr> <tr><td>Bac Giang</td><td>3,630</td><td>2,054</td><td>56.58</td></tr> <tr><td>Nam Dinh</td><td>4,576</td><td>2,204</td><td>48.16</td></tr> <tr><td>Ha Tinh</td><td>1,069</td><td>644</td><td>60.2</td></tr> <tr><td>Binh Dinh</td><td>1,401</td><td>472</td><td>33.69</td></tr> <tr><td>Tien Giang</td><td>2,754</td><td>1,176</td><td>42.70</td></tr> <tr><td>Ben Tre</td><td>840</td><td>192</td><td>22.86</td></tr> <tr><td>Soc Trang</td><td>2,731</td><td>1,260</td><td>46.14</td></tr> <tr><td><b>Tổng</b></td><td><b>22,335</b></td><td><b>10,855</b></td><td><b>48.6</b></td></tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% phụ nữ	Lao Cai	945	380	40.21	Son La	748	526	70.32	Phu Tho	3,641	1,947	53.5	Bac Giang	3,630	2,054	56.58	Nam Dinh	4,576	2,204	48.16	Ha Tinh	1,069	644	60.2	Binh Dinh	1,401	472	33.69	Tien Giang	2,754	1,176	42.70	Ben Tre	840	192	22.86	Soc Trang	2,731	1,260	46.14	<b>Tổng</b>	<b>22,335</b>	<b>10,855</b>	<b>48.6</b>	<p>Một số tỉnh, tỷ lệ nữ giới tham gia các khóa đào tạo này chưa đạt được (Lào Cai, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre và Sóc Trăng).</p> <p>PPMU của các tỉnh này cần khuyến khích những người tham gia nữ thông qua phối hợp với Hội phụ nữ xã.</p>
PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% phụ nữ																																																
Lao Cai	945	380	40.21																																																
Son La	748	526	70.32																																																
Phu Tho	3,641	1,947	53.5																																																
Bac Giang	3,630	2,054	56.58																																																
Nam Dinh	4,576	2,204	48.16																																																
Ha Tinh	1,069	644	60.2																																																
Binh Dinh	1,401	472	33.69																																																
Tien Giang	2,754	1,176	42.70																																																
Ben Tre	840	192	22.86																																																
Soc Trang	2,731	1,260	46.14																																																
<b>Tổng</b>	<b>22,335</b>	<b>10,855</b>	<b>48.6</b>																																																
	<p>12• T10. Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% cán bộ khuyến nông nữ trong nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP <i>Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</i></p>	<p>• <b>Đang thực hiện/dã đạt được một phần:</b> 2.141 người tham gia bao gồm 730 phụ nữ (34,1%) đã tham gia các khóa đào tạo về công nghệ CSAWMP cho cán bộ khuyến nông và cho nông dân trong các gói nghiên cứu và trình diễn. Trong đó: (i) 1.739 cán bộ khuyến nông gồm 578 phụ nữ (33,2%); (ii) 402 nông dân trong đó có 152 nông dân nữ (37,8%).</p> <table border="1" data-bbox="779 1027 1704 1407"> <thead> <tr> <th>CPMU/ PPMU</th> <th>Tổng số cán bộ khuyến nông</th> <th>Phụ nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>CPMU</td><td>274</td><td>82</td><td>29.9</td></tr> <tr><td>Lao Cai</td><td>39</td><td>16</td><td>41.0</td></tr> <tr><td>Son La</td><td>212</td><td>77</td><td>36.3</td></tr> <tr><td>Phu Tho</td><td>305</td><td>165</td><td>54.1</td></tr> <tr><td>Bac Giang</td><td>67</td><td>31</td><td>46.3</td></tr> <tr><td>Nam Dinh</td><td>100</td><td>50</td><td>50.0</td></tr> <tr><td>Ha Tinh</td><td>33</td><td>15</td><td>45.5</td></tr> <tr><td>Binh Dinh</td><td>387</td><td>82</td><td>21.2</td></tr> <tr><td>Tien Giang</td><td>0</td><td>0</td><td>0.0</td></tr> <tr><td>Ben Tre</td><td>322</td><td>60</td><td>18.6</td></tr> </tbody> </table>	CPMU/ PPMU	Tổng số cán bộ khuyến nông	Phụ nữ	% phụ nữ	CPMU	274	82	29.9	Lao Cai	39	16	41.0	Son La	212	77	36.3	Phu Tho	305	165	54.1	Bac Giang	67	31	46.3	Nam Dinh	100	50	50.0	Ha Tinh	33	15	45.5	Binh Dinh	387	82	21.2	Tien Giang	0	0	0.0	Ben Tre	322	60	18.6					
CPMU/ PPMU	Tổng số cán bộ khuyến nông	Phụ nữ	% phụ nữ																																																
CPMU	274	82	29.9																																																
Lao Cai	39	16	41.0																																																
Son La	212	77	36.3																																																
Phu Tho	305	165	54.1																																																
Bac Giang	67	31	46.3																																																
Nam Dinh	100	50	50.0																																																
Ha Tinh	33	15	45.5																																																
Binh Dinh	387	82	21.2																																																
Tien Giang	0	0	0.0																																																
Ben Tre	322	60	18.6																																																

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
	13• <b>A3.</b> Tuân thủ pháp luật (ví dụ như hợp đồng lao động) và hỗ trợ thù lao cho các cán bộ khuyến nông giỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đang thực hiện/đã đạt được:</b> Tất cả cán bộ khuyến nông tham dự các khóa đào tạo TOT đều đã được hỗ trợ công tác phí và phát chứng chỉ.</li> </ul>	
	14. <b>T11.</b> 30% nhân viên của các tổ chức tham gia được đào tạo về vận hành và bảo dưỡng thiết bị nghiên cứu là phụ nữ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được.</b> Gói 14 đã được trao cho nhà thầu, các khóa đào tạo về O &amp; M của thiết bị nghiên cứu được triển khai vào năm 2018 với 366 người tham gia bao gồm 127 người tham gia là nữ (34,7%).</li> </ul>	
<b>4. Quản lý dự án hiệu quả</b>	15. <b>A4. Hỗ trợ quản lý dự án:</b> CPMU và PPMU phải cử ra một cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến giới và dân tộc thiểu số.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được:</b> CPMU và mỗi PPMU đã cử ra cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và DTTS. Cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm năm 2016 (11 cán bộ đầu mối cho giới: 01 cán bộ của CPMU và 10 cán bộ của 10 tỉnh)</li> </ul>	
	16. <b>A5.</b> Các hội thảo về giới dành cho tất cả nhân viên dự án, nhà thầu, cán bộ khuyến nông và thú y, ban chỉ đạo của các tổ chức liên quan sẽ được tổ chức ở các cấp tỉnh, huyện và xã là một phần trong chương trình định hướng của dự án	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được:</b> Dự án đã thực hiện các khóa đào tạo nâng cao nhận thức về giới và dân tộc thiểu số cho nhân viên dự án, nhà thầu và các bên liên quan khác. Trong tổng số 445 người tham gia, trong đó có 230 người là nữ (51,7%). 129 (100%) cán bộ từ CPMU và PPMU đã tham gia các khóa đào tạo về giới.</li> </ul>	
	17• <b>A6.</b> Xây dựng và cập nhật dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số là một phần trong hệ thống báo cáo và công tác giám sát, đánh giá dự án.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đã đạt được:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Chuyên gia tư vấn về M&amp;E đã triển khai hệ thống M&amp;E và các mẫu dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số.</li> <li>(ii) Cơ sở dữ liệu về các hàm KSH được chuyển vào một phần mềm quản lý dữ liệu và đã được cập nhật theo tiến độ xây dựng hàm cùng với số liệu phân tách giới và dân tộc thiểu số</li> </ul> </li> </ul>	

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
	18• T12. . 30% cán bộ của CPMU và PPMU là nữ.	<p>• <b>Đã đạt được:</b> Đã thành lập một CPMU và 10 PPMU vào quý 2 năm 2013. Tính đến tháng 30/08/2019, có 56 trên tổng số 129 nhân viên là nữ, (43.41%).</p> <table border="1" data-bbox="779 352 1563 788"> <thead> <tr> <th>Các tỉnh</th> <th>Tổng</th> <th>Phụ nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>23</td> <td>14</td> <td>60.87</td> </tr> <tr> <td>Lao Cai</td> <td>11</td> <td>4</td> <td>36.36</td> </tr> <tr> <td>Son La</td> <td>5</td> <td>1</td> <td>20.00</td> </tr> <tr> <td>Phu Tho</td> <td>14</td> <td>6</td> <td>42.86</td> </tr> <tr> <td>Bac Giang</td> <td>10</td> <td>5</td> <td>50.00</td> </tr> <tr> <td>Nam Dinh</td> <td>15</td> <td>5</td> <td>33.33</td> </tr> <tr> <td>Ha Tinh</td> <td>10</td> <td>4</td> <td>40.00</td> </tr> <tr> <td>Binh Dinh</td> <td>10</td> <td>3</td> <td>30.00</td> </tr> <tr> <td>Tien Giang</td> <td>7</td> <td>4</td> <td>57.14</td> </tr> <tr> <td>Ben Tre</td> <td>11</td> <td>6</td> <td>54.55</td> </tr> <tr> <td>Soc Trang</td> <td>13</td> <td>4</td> <td>30.77</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>129</b></td> <td><b>56</b></td> <td><b>43.41</b></td> </tr> </tbody> </table>	Các tỉnh	Tổng	Phụ nữ	% phụ nữ	CPMU	23	14	60.87	Lao Cai	11	4	36.36	Son La	5	1	20.00	Phu Tho	14	6	42.86	Bac Giang	10	5	50.00	Nam Dinh	15	5	33.33	Ha Tinh	10	4	40.00	Binh Dinh	10	3	30.00	Tien Giang	7	4	57.14	Ben Tre	11	6	54.55	Soc Trang	13	4	30.77	<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>56</b>	<b>43.41</b>	
Các tỉnh	Tổng	Phụ nữ	% phụ nữ																																																				
CPMU	23	14	60.87																																																				
Lao Cai	11	4	36.36																																																				
Son La	5	1	20.00																																																				
Phu Tho	14	6	42.86																																																				
Bac Giang	10	5	50.00																																																				
Nam Dinh	15	5	33.33																																																				
Ha Tinh	10	4	40.00																																																				
Binh Dinh	10	3	30.00																																																				
Tien Giang	7	4	57.14																																																				
Ben Tre	11	6	54.55																																																				
Soc Trang	13	4	30.77																																																				
<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>56</b>	<b>43.41</b>																																																				

**BẢNG CẬP NHẬT CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

FM RMM (Kế hoạch hành động FMA ) Chi tiết/ mô tả		Thời gian ngày	Đến hạn? có/không	hoạch hành đ Đã hoàn thành (có/không/không áp	Mô tả các hoạt động đã thực hiện	Date of last action plans monitoring (dd/mm/yyyy)	Chi tiết về BTOR, Biên bản, etc. (Ngày hoặc tài liệu tham chiếu )
Kế hoạch giảm thiểu	Trách nhiệm						
Cung cấp đào tạo và hướng dẫn bằng văn bản về thủ tục ADB	EA/ADB	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Tập huấn về giải ngân và FM do ADB cung cấp	Tháng 7-2019	Đội hình đào tạo
Chuẩn bị ĐKTC xác định nhiệm vụ, trách nhiệm, dòng giám sát và giới hạn thẩm quyền cho tất cả cán bộ, quản lý và nhân viên	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Quyết định của APMB về nhiệm vụ, trách nhiệm, dòng giám sát và giới hạn thẩm quyền đối với tất cả các cán bộ, quản lý và nhân viên	tháng 3/ 2019	
Chuẩn bị một số tay tài chính dự án được ADB chấp nhận	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	Tháng 11/2013	Hướng dẫn quản lý tài chính
Phần mềm kế toán, với biểu đồ tài khoản đầy đủ, có khả năng tạo báo cáo xác định danh mục chi tiêu / giải ngân, thành phần dự án và nguồn vốn.	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Kiểm tra bởi các kiểm toán viên độc lập	2018	Phần mềm kế toán tuân theo Thông tư 107 và VAS (phần mềm DTH)
Kiểm soát tại chỗ để chuẩn bị và phê duyệt các giao dịch	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	tháng 3/ 2019	Hướng dẫn quản lý tài chính
Tất cả các tài liệu kế toán và hỗ trợ sẽ được giữ lại trên cơ sở vĩnh viễn với quyền truy cập dễ dàng	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	tháng 8/ 2019	Hướng dẫn quản lý tài chính
Các chức năng giám sát và kiểm toán nội bộ thường xuyên được xây dựng để giám sát các giao dịch và được ghi lại trong PAM	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hàng năm, Phòng Tài chính của APMB tổ chức giám sát và giám sát các hoạt động tài chính của CPMU và PPMU. Ngoài ra, vào tháng 7 hoặc tháng 8, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiến hành xác minh việc giải quyết hàng năm các hoạt động của dự án..	Quý 2/2019	